

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Số: 20 -KH/BCĐ57

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Hội nghị tổng kết năm 2025 và xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy cập nhật Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 của Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quy chế làm việc số 15-QC/BCĐ57, ngày 10/12/2025 của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57 Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy);

Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy ban hành Kế hoạch hành động năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn Thành phố, với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Năm 2026 được xác định là năm then chốt, có ý nghĩa bản lề trong việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao hiệu quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Ban Chỉ



đạo 57 Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, cụ thể:

a) Khẳng định vai trò dẫn dắt của Thủ đô trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; chủ động kiến tạo, thử nghiệm các mô hình đột phá, qua đó cung cấp luận cứ thực tiễn có giá trị phục vụ Trung ương hoàn thiện thể chế và nhân rộng trên phạm vi cả nước.

b) Thực hiện chuyển đổi căn bản phương thức lãnh đạo, điều hành từ dựa trên kinh nghiệm sang dựa trên dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành nền hành chính phục vụ, vận hành thông suốt, minh bạch, trong đó các quyết định được đưa ra nhanh hơn, chính xác hơn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả khu vực công; lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo chủ yếu; coi dữ liệu là tài nguyên chiến lược và thúc đẩy chia sẻ, khai thác hiệu quả.

c) Đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực trực tiếp góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 từ 11% trở lên; trong đó tập trung gia tăng tỷ trọng kinh tế số, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và nâng cao đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).

d) Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng tạo ra sản phẩm cụ thể, kết quả thực chất, có tính lan tỏa và khả năng nhân rộng cao; tận dụng các không gian đã được đầu tư, vận hành để triển khai thí điểm, thử nghiệm công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu gắn với doanh nghiệp và thị trường.

đ) Kiến tạo nền tảng phát triển bền vững, trong đó: Hình thành hệ thống hạ tầng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo dùng chung, bảo đảm kết nối toàn trình, liên thông, khai thác hiệu quả; xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, tinh hoa thông qua các chương trình đào tạo tiến sĩ, bồi dưỡng nhân tài công nghệ; tập trung và ưu tiên cao nhất mọi nguồn lực cho một số công nghệ chiến lược (bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, mạng di động thế hệ thứ năm, robot, năng lượng, vật liệu tiên tiến, an ninh mạng và các công nghệ liên quan) để tạo đột phá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô và bảo đảm tính tự chủ về công nghệ trong cả trung hạn và dài hạn.

e) Huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ rào cản và dẫn dắt phát triển thị trường; vận hành hiệu quả cơ chế hợp tác Nhà nước - Nhà trường/Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp.

g) Xây dựng xã hội số bao trùm và an toàn, bảo đảm mọi người dân Thủ đô được tiếp cận công bằng, thuận lợi các dịch vụ công và phúc lợi xã hội trên môi trường số; đồng thời xây dựng văn hóa số văn minh, củng cố niềm tin số và bảo đảm an toàn, an ninh trong quá trình chuyển đổi số.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến tạo, thử nghiệm các mô hình đột phá: Thử nghiệm thành công tối thiểu 03 mô hình đột phá được Trung ương đánh giá, lựa chọn nhân rộng áp dụng trên phạm vi cả nước.

b) Quản trị, điều hành

- 100% quyết định điều hành được hỗ trợ bởi dữ liệu số và dashboard.
- Giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên thông.
- Số lượng hội nghị trực tiếp chiếm không quá 40% và số lượng hội nghị trực tuyến chiếm không ít hơn 60% tổng số hội nghị; thực hiện tinh giản 20% số lượng hội nghị, cuộc họp trong năm.
- Giảm ít nhất 20% số lượng văn bản ban hành.
- Thông tin báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin dữ liệu và Dashboard.
- Thay thế tối thiểu 50% công tác quản trị, điều hành theo phương thức truyền thống (chủ yếu dựa vào báo cáo giấy, có độ trễ, thiếu khách quan, chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh) sang phương thức quản trị dựa trên dữ liệu.

c) Thúc đẩy tăng trưởng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2026 đạt 14,5%;
- Tỷ trọng đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP đạt 17,5%.
- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP ước đạt 50%.

d) Chuyển đổi số

(1) Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Về hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu dùng chung
- + Mở rộng phủ sóng 5G đạt 70% dân số Thủ đô.
- + 100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.
- + 100% hồ sơ công việc tại cấp Thành phố và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.
- + 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số.
- + Hoàn thành việc liên thông, kết nối, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng và đưa vào vận hành, khai thác thực chất, hiệu quả trung tâm dữ liệu và cơ sở dữ liệu tập trung của Thành phố, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- + 100% dữ liệu tập trung về kho cơ sở dữ liệu tập trung Thành phố
- + Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo.

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- + Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính áp dụng tại Thành phố đạt tối thiểu 80%.

+ Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

+ 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn Thành phố.

+ Chỉ duy trì các thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

+ 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng khung năng lực số cơ bản được quy định;

+ 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số của Thành phố được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

+ Tăng năng suất lao động khu vực công 4-6%/năm (đo lường theo công thức chuẩn hóa: Tổng hồ sơ xử lý đúng hạn/Tổng biên chế).

(2) Kinh tế số

- Đạt chỉ tiêu đóng góp vào GRDP tại mục c phần này.

- Tạo ra khoảng 30.000-50.000 tỷ đồng giá trị gia tăng/năm từ tăng doanh thu, giảm chi phí và mở rộng thị trường số cho doanh nghiệp Hà Nội (trung ương khoảng 2-3% GRDP).

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ vệ tinh tham gia thực chất vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn công nghệ lớn trong nước.

- Chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao.

(3) Xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số.

- Nằm trong top 10 tỉnh thành dẫn đầu về điểm công dân số theo cách tính được Chính phủ quy định.

- Lan tỏa nhận thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

đ) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm công nghệ chiến lược

- Thương mại hóa thành công tối thiểu 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (Chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, UAV....).

- Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2026 phấn đấu đạt tối thiểu 45%.

(2) Phát triển nhân lực tinh hoa

- Hình thành mạng lưới nhân lực tinh hoa của Thành phố, bao gồm các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia công nghệ, nhà đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

- Thu hút, kết nối tối thiểu 300–500 chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao tham gia thường xuyên vào các chương trình, nhiệm vụ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

- Lựa chọn, bồi dưỡng tối thiểu 1.000 học sinh, sinh viên có năng lực nổi trội trong các lĩnh vực STEM, AI, dữ liệu, công nghệ số, đổi mới sáng tạo.

- Hình thành tối thiểu 20–30 nhóm nghiên cứu trẻ/CLB khoa học – công nghệ xuất sắc trong các trường phổ thông, trường đại học trên địa bàn Thành phố.

- Đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh trong giai đoạn 2026-2030 gắn với các bài toán lớn, điểm nghẽn lớn của Thủ đô.

(3) Số hóa, minh bạch quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu); đồng thời minh bạch trên Nền tảng các thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần công khai theo quy định), bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân và sản phẩm.

- Rút ngắn thời gian trung bình phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt) xuống dưới 55 ngày.

(4) Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn “từ phòng thí nghiệm ra thị trường”

- Hình thành tối thiểu 09 hạ tầng dùng chung (phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận...), ưu tiên cho công nghệ chiến lược.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (được trích lập tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm).

(5) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố với cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ngang bằng và vượt các trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực. Trước mắt trong năm 2026 thử nghiệm với cơ chế “sandbox”, sau đó, đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi triển khai diện rộng trong giai đoạn tăng tốc (từ năm 2027).

- Tăng 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực công nghệ số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo năm 2026 phấn đấu đạt tối thiểu 36%.

- Hình thành mới tối thiểu 20 doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) hình thành từ kết quả nghiên cứu của trường - viện trong năm 2026.

- Vận hành hiệu quả Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố, lựa chọn và ký hợp tác với tối thiểu 03-05 quỹ đầu tư tư nhân theo nguyên tắc huy động vốn đối ứng. Quỹ đầu tư cho tối thiểu 10 doanh nghiệp khởi nghiệp (startup), khởi nguồn (spin-off).

- Hình thành bộ chỉ số theo dõi hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố (gồm chỉ số kết quả và chỉ số điều hành).

e) Về theo dõi, giám sát và đánh giá

- 100% nhiệm vụ triển khai trên địa bàn Thành phố được cập nhật kết quả, theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theodoing.dcs.vn để báo cáo Ban Chỉ đạo 57 Trung ương. Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan. Số lần chậm báo cáo = 0 lần.

- 100% nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW triển khai trên địa bàn Thành phố được theo dõi bằng KPI theo thời gian thực bằng hệ thống.

2. Yêu cầu

Từng thành viên Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Ban Chỉ đạo giao bảo đảm nguyên tắc:

- Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn.

- Bảo đảm kịp thời nguồn lực kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó, tập trung nguồn lực giải quyết các bài toán điểm nghẽn cốt lõi của Thành phố; tránh dàn trải, hình thức. Chuyển mạnh cơ chế phân bổ

nguồn lực từ cấp phát theo đầu vào sang đặt hàng - khoán sản phẩm - thanh toán theo kết quả. Kiên quyết phòng, chống lãng phí cả về tài chính và thời gian; kiểm soát hiệu quả đầu tư ngay từ khâu chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực. Đồng thời, đảm bảo thúc đẩy mạnh mẽ cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

- Kết hợp hài hòa giữa các nhiệm vụ thường xuyên (hoàn thiện thể chế, hạ tầng, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo. Mọi nhiệm vụ phải được lượng hóa bằng các chỉ số đo lường (KPI) cụ thể, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số.

- Gán trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ, đề xuất điều động, thay thế cán bộ khi cần thiết.

- Phân định rõ vai trò: Nhà nước đặt hàng và chia sẻ rủi ro; Viện/Trường phát triển tri thức và công nghệ lõi; Doanh nghiệp thương mại hóa, ứng dụng vào thực tiễn.

Trên cơ sở mục tiêu và yêu cầu nêu trên, Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy đặt ra 20 nhóm nhiệm vụ trọng tâm (tại Mục II) giữ vai trò khung định hướng chiến lược để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện; 30 Dự án, Đề án trọng điểm (tại Mục III) là công cụ thực thi cụ thể, được ưu tiên bố trí nguồn lực nhằm hiện thực hóa các nhóm nhiệm vụ; các Đầu bài quản trị (tại Phụ lục I) là cơ sở định hướng, làm căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, chủ động đề xuất và tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể theo thẩm quyền, đồng thời là thước đo kết quả đầu ra (KPI) phục vụ theo dõi, đánh giá và nghiệm thu hiệu quả đầu tư.

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được xây dựng nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể nêu tại Phần I.

Trong đó, các chỉ tiêu tại mục kết quả cần đạt của từng nhóm nhiệm vụ là các chỉ số đo lường kết quả triển khai (*KPI triển khai*), có vai trò trực tiếp góp phần thực hiện và hoàn thành các *mục tiêu, KPI chiến lược* tại phần I của Kế hoạch; các nhóm nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với các mục tiêu tại phần I; cụ thể như sau:

2.1. Nhóm 1: Tập trung cao độ và đổi mới trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch

2.1.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Ban hành Kế hoạch chi tiết để triển khai Kế hoạch này tại từng cơ quan, đơn vị phụ trách, bảo đảm bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả; theo mô hình OKR và lượng hóa các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ; gửi Tổ Thường trực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy

để tổng hợp, cập nhật và theo dõi tập trung trên Hệ thống. Hoàn thành chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Trung ương và các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy trong quá trình thực hiện.

2.1.2. Kết quả cần đạt:

- 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai chi tiết thực hiện Kế hoạch này.

- 100% nhiệm vụ trong Kế hoạch được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ trọng tâm trong các Kế hoạch sau khi ban hành được triển khai đúng tiến độ theo lộ trình đã xác định trong năm 2026.

2.1.3. Cơ quan/người chủ trì thực hiện:

- Bí thư 04 khối cơ quan của hệ thống chính trị; Bí thư các cơ quan, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tại đơn vị.

- Tổ Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện.

2.2. Nhóm 2: Hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống “bài toán lớn”

2.2.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Nghiên cứu, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật Thủ đô liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng tạo cơ chế, chính sách đột phá, đặc thù cho Thủ đô. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước của Thành phố; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc áp dụng, tuân thủ và giải trình. Đồng thời, tích hợp các yêu cầu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành câu phân bắt buộc trong quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, đề án, dự án, đồ án. Song song với đó, xây dựng định mức kinh tế – kỹ thuật và đơn giá đối với các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm phù hợp với thực tiễn triển khai. Hoàn thành trong Quý I/2026 (các sở, ban, ngành Thành phố hoàn thành theo hướng dẫn trong tháng 02/2026; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, hoàn thiện, trình ban hành trong tháng 03/2026).

- Xây dựng và ban hành hệ thống “bài toán lớn” của Thành phố làm cơ sở thống nhất để đặt hàng, tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hoàn thành trong Quý I/2026.

2.2.2. Kết quả cần đạt:

- Luật Thủ đô được sửa đổi, bổ sung với các chính sách đột phá nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Hình thành 01 bộ khung và hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu chung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn Thành phố; đồng thời ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật và đơn giá đối với các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực này.

- 100% quy hoạch, đề án, dự án, đồ án mới của Thành phố được thẩm định theo hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như một tiêu chí bắt buộc trước khi phê duyệt.

- Giảm tối thiểu 15–20% nguy cơ đầu tư trùng lặp, không tương thích về hạ tầng số, công nghệ và dữ liệu.

- Danh mục “bài toán lớn” của Thành phố được ban hành và công khai.

2.2.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp: Sở, ban, ngành Thành phố

2.3. Nhóm 3: Nâng cao năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị của Thành phố (bao gồm cả lãnh đạo).

2.3.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Ban hành quy chế bắt buộc áp dụng các công cụ số, không gian làm việc số, bộ KPI đo lường và AI trong xử lý văn bản, báo cáo (“AI First” trong quy trình làm việc). Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Ban hành khung năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị của Thành phố, gắn với từng vị trí việc làm. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Thí điểm mô hình Trợ lý ảo công vụ tại đơn vị có khối lượng hồ sơ lớn, đánh giá và nhân rộng toàn Thành phố; thử nghiệm tích hợp AI Copilot chuyên ngành vào hệ thống quản lý văn bản để soạn thảo, tóm tắt, kiểm tra thể thức tự động; đào tạo kỹ năng làm việc với AI cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn Thành phố. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Trang bị Dashboard cá nhân hóa cho các cấp lãnh đạo theo dõi chỉ số kinh tế - xã hội và xử lý kiến nghị người dân theo thời gian thực. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.3.2. Kết quả cần đạt:

- 100% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị của Thành phố đáp ứng khung năng lực số theo quy định (bao gồm cả cấp lãnh đạo).

- Tối thiểu 25% khối lượng công việc hành chính nội bộ được AI hỗ trợ hoặc tự động hóa (soạn thảo văn bản, tổng hợp, báo cáo, đối soát).

- Giảm 20-25% thời gian xử lý trung bình của các quy trình công việc nội bộ thường xuyên, tương ứng rút ngắn khoảng 1,5-2 ngày đối với mỗi quy trình liên thông.

- Cắt giảm 20-30% chi phí văn phòng phẩm và chi phí hành chính thông qua ứng dụng AI; phần đầu chuyển đổi khoảng 2.000-3.000 vị trí việc làm giản đơn theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả, không làm tăng biên chế.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ bị trả lại do lỗi thể thức hoặc thiếu thông tin không quá 5%.

2.3.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Phối hợp: Văn phòng của 04 khối cơ quan của hệ thống chính trị và Sở Nội vụ.

2.4. Nhóm 4: Xây dựng và triển khai hệ thống KPI cho toàn bộ hệ thống chính trị Thành phố Hà Nội

2.4.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Ban hành khung pháp lý và hướng dẫn thống nhất về xây dựng, áp dụng và sử dụng KPI trong hệ thống chính trị Thành phố. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Xây dựng và triển khai bộ KPI phù hợp với đặc thù Hà Nội để định lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố, từ Thành ủy - HĐND - UBND đến các sở, ban, ngành và chính quyền cấp cơ sở. Ưu tiên triển khai theo mô hình 3 nhà (ưu tiên phối hợp với Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội). Hoàn thành trong Quý IV/2026.

Trong đó, một số KPI nhóm như: KPI triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn Thành phố (hoàn thành trong Quý I/2026); KPI đo lường sức khỏe của nền kinh tế; KPI đo lường mức độ đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào nền kinh tế; triển khai trong toàn hệ thống chính trị Thành phố thông qua nền tảng số, không gian làm việc số dùng chung. Tích hợp hệ thống KPI với không gian làm việc số HanoiWork và các hệ thống điều hành số; đầu tư bộ công cụ đo lường. Theo tiến độ xây dựng KPI.

- Bắt đầu triển khai thí điểm hệ thống KPI tại một số cơ quan, đơn vị (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, ... UBND một số xã, phường, theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị). Triển khai từ Quý I/2026.

2.4.2. Kết quả cần đạt:

- Tối thiểu 70-80% KPI được theo dõi, cập nhật tự động từ các hệ thống số dùng chung (HanoiWork, iHanoi, hệ thống dịch vụ công, các hệ thống chuyên ngành), giảm phụ thuộc báo cáo thủ công.

- Hình thành bảng điều hành KPI tập trung phục vụ lãnh đạo Thành phố theo dõi, so sánh, cảnh báo sớm và điều chỉnh kịp thời.

2.4.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

2.5. Nhóm 5: Xây dựng hạ tầng số - nền tảng số - dữ liệu - AI dùng chung

2.5.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Tổng kiểm kê, quy hoạch lại toàn bộ tài sản số; cắt bỏ dứt điểm các hệ thống chồng chéo, kém hiệu quả; hợp nhất dữ liệu, các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng; ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu bắt buộc. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã có trách nhiệm tích hợp, mở chia sẻ toàn bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý (trừ dữ liệu mật theo quy định) để đồng bộ vào kho dữ liệu tập trung của Thành phố. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của Thành phố (đặc biệt là tại cấp xã) như: (1) đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc. Đối với đơn vị cấp xã, việc rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Xây trợ lý ảo, tổng đài thông minh dùng chung; chia sẻ camera dùng chung hỗ trợ giải quyết điểm nghẽn về ùn tắc giao thông; đầu tư nội địa hóa camera AI, máy tính và các sản phẩm công nghệ. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Hoàn thành toàn diện việc xây dựng Kho dữ liệu tập trung. Hoàn thành đầu tư Trung tâm dữ liệu dùng chung của Thành phố, Trung tâm tính toán thông minh (AIDC). Hoàn thành trong Quý IV/2026.

2.5.2. Kết quả cần đạt:

- 100% hệ thống thông tin lõi được quy hoạch, chuyển dịch lên hạ tầng điện toán đám mây dùng chung của Thành phố.

- Tiết kiệm tối thiểu 20% tổng chi phí vòng đời (TCO) hạ tầng công nghệ thông tin so với phương án đầu tư phân tán.

- Phấn đấu giảm 30 triệu giờ công/năm nhờ cắt báo cáo thủ công, giảm nhập liệu trùng lặp, giảm phối hợp liên ngành thủ công.

- Giảm 20% chi phí vận hành hành chính, nhờ hợp nhất hạ tầng công nghệ thông tin; chuyển sang cloud dùng chung; giảm nhân lực vận hành phân tán.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; 100% cơ quan, đơn vị thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử có ký số; số hóa toàn bộ các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) để triển khai trên môi trường số.

2.5.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

2.6. Nhóm 6: Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất

2.6.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Tái cấu trúc 80% thủ tục hành chính dựa trên cơ sở dữ liệu. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo. Hoàn thành trong Quý IV/2026.

2.6.2. Kết quả cần đạt:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý toàn trình thực tế đạt trên 80%.

- Tỷ lệ tự động điền sẵn dữ liệu (e-form) từ cơ sở dữ liệu dùng chung đạt trên 60%.

- Giảm 80-90% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (thời gian chuẩn bị hồ sơ; chi phí đi lại; chi phí giấy tờ, sao y; chi phí cơ hội do chờ đợi; chi phí không chính thức.)

- Giảm giờ công xã hội: Giảm 35 triệu giờ công xã hội/năm (người dân, doanh nghiệp không phải đi lại, chờ đợi; không phải khai báo lặp lại thông tin; giảm xử lý lại do sai sót hồ sơ).

- Giảm chi phí vận hành hành chính 20% chi phí vận hành TTHC của bộ máy (giảm tiếp nhận hồ sơ giấy; giảm nhân lực xử lý thủ công; giảm lưu trữ, đối soát thủ công).

2.6.3. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố.

2.7. Nhóm 7: Quản trị đầu tư công minh bạch, hiệu quả

2.7.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Số hóa, chuẩn hóa hồ sơ dự án; theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện dự án trên môi trường số. Bố trí ngân sách địa phương cho KHCCN, ĐMST, CDS. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Xây dựng hồ sơ số dự án xuyên suốt vòng đời; triển khai cơ chế thẩm định song song giữa các cơ quan liên quan. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.7.2. Kết quả cần đạt:

- Rút ngắn 10-20% thời gian chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công.

- 100% điểm nghẽn về vốn, mặt bằng, thủ tục được cảnh báo sớm tới lãnh đạo các cấp.

- Giảm khoảng 10% chi phí vốn chờ và chi phí xã hội do chậm tiến độ (hạn chế điều chỉnh dự án nhiều vòng).

- Giảm khoảng 5 triệu giờ công xã hội/năm nhờ giảm họp, giảm xin ý kiến thủ công, thẩm định song song và hồ sơ số xuyên suốt.

- Nâng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công khoảng 8%, thể hiện qua tỷ lệ giải ngân đúng tiến độ và giảm dự án kéo dài.

- Phân đầu kích hoạt thêm khoảng 10% vốn đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực hạ tầng, đô thị, dịch vụ liên quan.

2.7.3. Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính.

2.8. Nhóm 8: Thúc đẩy nghiên cứu cơ bản gắn với các bài toán lớn của Thủ đô

2.8.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu cơ bản trọng điểm cấp Thành phố, có tính liên ngành, liên cơ sở, thời gian thực hiện dài hạn (5–10 năm), gắn trực tiếp với hệ thống “bài toán lớn” của Thủ đô; tập trung vào các lĩnh vực then chốt như: đô thị thông minh, phát triển bền vững, môi trường – năng lượng, giao thông, y tế – giáo dục, kinh tế số, quản trị công và các lĩnh vực ưu tiên khác của Thủ đô. Hoàn thành việc ban hành danh mục chương trình trong Quý I/2026; việc triển khai thực hiện theo thời hạn của từng chương trình cụ thể.

- Thực hiện đặt hàng nghiên cứu cơ bản đối với các trường đại học, viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trên địa bàn Thành phố và trong cả nước; khuyến khích sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia quốc tế, bảo đảm chất lượng khoa học, tính kế thừa và khả năng phát triển dài hạn. Hoàn thành công tác tổ chức đặt hàng trong Quý II/2026.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Chuẩn hóa, số hóa toàn bộ kết quả nghiên cứu cơ bản (dữ liệu, mô hình, báo cáo, công bố khoa học...) để tích hợp vào Kho dữ liệu tri thức dùng chung của Thành phố, tạo nguồn đầu vào cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ lõi và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo. Thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình triển khai các nhiệm vụ.

2.8.2. Kết quả cần đạt:

- Hình thành tối thiểu 03–05 chương trình nghiên cứu cơ bản trọng điểm cấp Thành phố, gắn trực tiếp với các bài toán lớn của Thủ đô, có lộ trình và cơ chế quản lý ổn định trong giai đoạn 2026–2030.

- Thu hút và duy trì tối thiểu 50 nhà khoa học đầu ngành, nhóm nghiên cứu mạnh tham gia các chương trình nghiên cứu cơ bản của Thành phố.

- Công bố tối thiểu 10 công trình khoa học chất lượng cao/năm gắn với các chương trình nghiên cứu trọng điểm; đồng thời tạo nguồn đầu vào cho sáng chế, giải pháp công nghệ “Make in Hanoi”.

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu); đồng thời minh bạch trên Nền tảng các thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần

công khai theo quy định), bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân và sản phẩm.

2.8.3. *Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Khoa học và Công nghệ.

2.9. Nhóm 9: Hợp tác nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ tầm nhìn dài hạn mang tính đi tắt, đón đầu của Thủ đô

2.9.1. *Nội dung trọng tâm và thời hạn:*

- Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2035. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ chiến lược. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.9.2. *Kết quả cần đạt:*

- Triển khai tối thiểu 05-07 chương trình hợp tác nghiên cứu chiến lược với các trường đại học, viện nghiên cứu và tập đoàn công nghệ uy tín.

- Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược.

- Từng bước làm chủ, phát triển và ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ nền tảng có tầm nhìn dài hạn, tạo lợi thế cạnh tranh mới cho Thủ đô.

2.9.3. *Đơn vị thực hiện:*

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Phối hợp: Sở Tài chính tham mưu bố trí ngân sách.

2.10. Nhóm 10: Phát triển hệ thống viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm, thử nghiệm trọng điểm

2.10.1. *Nội dung trọng tâm và thời hạn:*

- Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm trên địa bàn Thành phố; xác định rõ năng lực, mức độ trùng lặp, hiệu quả khai thác và khả năng phát triển; trên cơ sở đó, xây dựng Đề án quy hoạch, sắp xếp và phát triển hệ thống viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm/thử nghiệm trọng điểm của Thủ đô theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu cơ bản, thử nghiệm các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, các giải pháp mới, mô hình mới của Thành phố. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Trên cơ sở phương án được phê duyệt, tiến hành sắp xếp, đầu tư mạng lưới viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm/thử nghiệm trên địa bàn Thành phố. Hoàn thành trong Quý III/2026.

2.10.2. *Kết quả cần đạt:* Hình thành mạng lưới viện nghiên cứu và phòng thí nghiệm/thử nghiệm trọng điểm của Thủ đô, được quy hoạch thống nhất, đạt chuẩn, phân định rõ chức năng, lĩnh vực và vai trò trong hệ sinh thái khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.

2.10.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Phối hợp: Ban Quản lý các Khu công nghệ cao.

2.11. Nhóm 11: Chuyển đổi số các dịch vụ thiết yếu

2.11.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế (theo lĩnh vực chuyên ngành) chủ trì liên thông dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu dân cư; tự động hóa các khâu nghiệp vụ lặp lại; ứng dụng công nghệ số để giảm phụ thuộc vào xử lý thủ công và thực hiện Chương trình hành động của Thành phố đối với các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 về việc đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

+ Thí điểm mô hình lớp học mở/lớp học hỗn hợp, khắc phục thiếu giáo viên cục bộ; quản lý lịch học, học liệu và tương tác học tập thông qua nền tảng số, kết nối với iHanoi. Hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Hoàn thành số hóa 100% học liệu và bài giảng cốt lõi, hình thành kho học liệu số dùng chung, giảm trùng lặp và thời gian chuẩn bị bài; cho phép phụ huynh, học sinh tra cứu, tiếp cận học liệu phù hợp qua iHanoi. Hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Thiết lập Hệ sinh thái Giáo dục Thông minh Thủ đô (Hanoi Smart Education Hub - HSE), đóng vai trò là "trục xương sống" kết nối giữa Sở Giáo dục & Đào tạo, Nhà trường, Giáo viên, Học sinh và Phụ huynh. Trong đó, nền tảng "Học tập Cá nhân hóa" dựa trên AI (Personalized AI Learning) chứa hồ sơ số suốt đời, gia sư AI 24/7, hệ thống dự báo sớm, v.v. Hoàn thành trong Quý III/2026.

+ Triển khai Trợ lý ảo hỗ trợ giáo viên, giảm đáng kể khối lượng công việc hành chính. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Sở Y tế chủ trì:

+ Hình thành kho lưu trữ hình ảnh y tế tập trung, chia sẻ kết quả chẩn đoán hình ảnh giữa 100% cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố; cho phép người dân truy cập kết quả khám, chẩn đoán trên iHanoi. Hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Hoàn thành thiết lập mô hình khám, hội chẩn từ xa chuẩn hóa, có bác sĩ tại 100% cơ sở y tế tham gia; tích hợp lịch hẹn, tư vấn trực tuyến và theo dõi điều trị trên iHanoi. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ theo tiến độ của từng nhiệm vụ nêu trên; đảm bảo kết nối, tích hợp ngay các hệ thống chuyên ngành với siêu ứng dụng iHanoi với nguyên tắc iHanoi là điểm truy cập thống nhất của người dân.

2.11.2. Kết quả cần đạt:

- 100% hệ thống giáo dục, y tế, an sinh xã hội của Thành phố được kết nối, liên thông dữ liệu với Cơ sở dữ liệu dân cư và tích hợp với siêu ứng dụng iHanoi.

- Trên 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, trong đó tối thiểu 50% hồ sơ có dữ liệu phát sinh, cập nhật thực tế; cho phép người dân tra cứu, sử dụng và chia sẻ thông tin sức khỏe trực tiếp trên iHanoi.

- 100% chi trả an sinh xã hội thực hiện không dùng tiền mặt; toàn bộ quy trình xét duyệt, chi trả, đối soát được thực hiện trên môi trường số; người dân theo dõi trạng thái xử lý trên iHanoi.

- 100% học liệu, bài giảng cốt lõi được số hóa và đưa vào Kho học liệu số dùng chung; phụ huynh, học sinh truy cập thống nhất qua iHanoi.

- 100% cơ sở y tế tham gia mô hình khám, tư vấn và hội chẩn từ xa chuẩn hóa; người dân đặt lịch, nhận kết quả và theo dõi điều trị trên nền tảng số.

- Phần đầu tiết kiệm khoảng 1-2 giờ công việc hành chính/ngày/giáo viên thông qua tự động hóa và hỗ trợ số.

- Giảm 20-30 triệu giờ công xã hội/năm trong giáo dục, y tế và an sinh thông qua số hóa quy trình, giảm chờ đợi, giảm giấy tờ và đi lại; người dân thực hiện phần lớn tương tác với các dịch vụ số thiết yếu qua iHanoi.

- Giảm khoảng 5% chi sai, chi trùng, bỏ sót đối tượng trong an sinh xã hội và dịch vụ công thiết yếu thông qua liên thông, đối soát dữ liệu tự động.

2.11.3. Đơn vị thực hiện:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu chiến lược, hướng dẫn, tổ chức triển khai.

- Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ chủ trì trong lĩnh vực chuyên ngành và phối hợp triển khai trong các kế hoạch chung.

2.12. Nhóm 12: Phát triển kinh tế số, thúc đẩy tăng trưởng từ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.12.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Thành lập Phòng Kinh tế số - Xã hội số trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Hoàn thành chậm nhất trong tháng 02/2026.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

+ Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của Thành phố, hoàn thành trong Quý I/2026. Xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của Thành phố), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hóa), hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Tham mưu ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù để phát triển kinh tế số Thủ đô, thúc đẩy tăng trưởng từ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hoàn thành trong Quý I/2026.

+ Xây dựng và triển khai Chương trình “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh dựa trên công nghệ”; Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, tham gia chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường; Đề án thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp của người Việt ở nước ngoài về Việt Nam. Hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ số thông qua thí điểm (sandbox) đối với mô hình công nghệ - công nghiệp văn hóa - du lịch; Xây dựng nền tảng 360Hanoi tích hợp du lịch thông minh, văn hóa số, thương mại điện tử đặc sản địa phương; Số hóa 3D các di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp thành phố nhằm bảo tồn số với độ chính xác cao, hỗ trợ quản lý – tu bổ - phục dựng và khai thác giá trị di sản cho giáo dục, du lịch, truyền thông, v.v. Hoàn thành trong Quý III/2026.

- Các sở, ban, ngành theo chức năng và đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực:

+ Chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp nền tảng; công nghiệp ưu tiên; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp năng lượng; khai thác tài nguyên, khoáng sản; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch. Báo cáo kết quả thực hiện vào tháng 12/2026.

+ Trong đó, nghiên cứu, lựa chọn, xác định và triển khai từ 3-5 nhiệm vụ có quy mô lớn để tập trung thúc đẩy và đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Nhiệm vụ có quy mô lớn cần có các thành phần chủ yếu sau: (1) Sáng kiến mang tính đột phá; (2) Bài toán trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn; (3) Cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS; (4) Sản phẩm đầu ra cụ thể; (5) Các chỉ tiêu đo lường; (6) Đơn vị dự kiến tiếp nhận hoặc triển khai ứng dụng; (7) Mốc tiến độ hoàn thành theo từng quý. Ưu tiên các vấn đề lớn phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và có khả năng nhân rộng. Hoàn thành trong Quý I/2026, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi.

- Thuế Thành phố Hà Nội chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp triển khai đánh giá sức khỏe doanh nghiệp và dự báo thu NSNN bằng AI (để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư phù hợp, chống thất thu ngân sách). Hoàn thành trong Quý III/2026.

2.12.2. Kết quả cần đạt:

- Đạt các chỉ tiêu tăng trưởng tại Phần II.

- Hình thành các chuỗi giá trị kinh tế số kết hợp sản xuất truyền thống – thiết kế sáng tạo/công nghệ số - thương mại điện tử trong một số ngành, lĩnh vực chủ lực.

- Tổ chức lựa chọn, hỗ trợ có trọng tâm khoảng 1.000 – 2.000 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, ưu tiên doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng

tạo và doanh nghiệp trong các ngành kinh tế chủ lực. Trong đó, doanh nghiệp tham gia chương trình đạt mức tăng trưởng doanh thu tối thiểu 20 – 30%/năm.

- Hỗ trợ 30-40% doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo thực chất, có kết quả đo lường trước - sau.

- 100% doanh nghiệp FDI được tiếp cận, phổ biến các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số của Thành phố; khuyến khích 60-70% doanh nghiệp FDI chuyển đổi quy trình hoặc áp dụng công nghệ xanh, sạch trong năm 2026.

- Đo lường và công bố hệ số đòn bẩy đầu tư; phân đấu mỗi đồng vốn đầu tư công kích hoạt tối thiểu 3 đồng vốn đầu tư tư nhân trong các lĩnh vực ưu tiên.

- Xây dựng hệ thống dashboard AI dự báo thu NSNN theo tháng/quý/năm, địa bàn, ngành, sắc thuế; cảnh báo sớm rủi ro hụt thu với độ chính xác $\geq 80\%$. Chấm điểm sức khỏe tài chính và rủi ro thuế cho tối thiểu 70% doanh nghiệp lớn và SME; phân loại nhóm doanh nghiệp, ngành có dư địa phát triển để hỗ trợ và nhóm có nguy cơ thất thu để tăng cường quản lý. Tăng thu NSNN thêm khoảng 5-10% từ chống thất thu (thương mại số, nợ đọng); đóng góp bổ sung 2-3% GRDP thông qua hỗ trợ đúng đối tượng doanh nghiệp có năng lực. Giảm 15-20% chi phí hành chính thuế thông qua tự động hóa báo cáo và phân tích.

2.12.3. Đơn vị thực hiện:

- Các sở, ban, ngành Thành phố chủ trì trong lĩnh vực chuyên ngành và phối hợp triển khai trong các kế hoạch chung.

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu xây dựng đề án chung, hướng dẫn, tổ chức khung nhiệm vụ.

2.13. Nhóm 13: Phát triển xã hội số bền vững

2.13.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Các sở, ban, ngành theo chức năng và đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực:

- + Chuyển đổi số thực chất các ngành có ảnh hưởng tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hóa, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường. Báo cáo kết quả thực hiện vào tháng 12/2026.

- + Trong đó, nghiên cứu, lựa chọn, xác định và triển khai từ 3-5 nhiệm vụ có quy mô lớn để tập trung thúc đẩy và đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Nhiệm vụ có quy mô lớn cần có các thành phần chủ yếu sau: (1) Sáng kiến mang tính đột phá; (2) Bài toán trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn; (3) Cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS; (4) Sản phẩm đầu ra cụ thể; (5) Các chỉ tiêu đo lường; (6) Đơn vị dự kiến tiếp nhận hoặc triển khai ứng dụng; (7) Mốc tiến độ hoàn thành theo từng quý. Ưu tiên các vấn đề lớn phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và có khả năng nhân rộng. Hoàn thành trong Quý I/2026, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi.

- Nâng cao năng lực số của công dân Thủ đô, trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

+ Xây dựng khung năng lực số của công dân Thủ đô; kèm theo Quy chế đánh giá, phân loại và áp dụng khung năng lực này trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội; làm căn cứ thống nhất cho tổ chức đào tạo, phổ cập và đánh giá mức độ sẵn sàng số của người dân. Hoàn thành trong Quý I/2026.

+ Tổ chức phổ cập năng lực số cho công dân theo lộ trình và phân nhóm đối tượng (học sinh, sinh viên, người lao động, người cao tuổi, nhóm yếu thế) thông qua Đề án phổ cập năng lực số, gắn với nhu cầu sử dụng thực tế. Phát huy vai trò của nhà trường, tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng và các nền tảng số của Thành phố. Trong đó, dùng áp lực học tập bằng các thao tác số bắt buộc phải thực hiện trong các dịch vụ thiết yếu. Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

2.13.2. Kết quả cần đạt:

- Mỗi sở, ban, ngành Thành phố hình thành ít nhất 03–05 nhiệm vụ chuyển đổi số quy mô lớn gắn với phát triển xã hội số, có sản phẩm đầu ra cụ thể, chỉ tiêu đo lường rõ ràng và lộ trình triển khai theo quý.

- Tối thiểu 70–80% công dân Thủ đô được trang bị kỹ năng số cơ bản theo Khung năng lực số của công dân Thủ đô.

- 100% học sinh phổ thông được trang bị kỹ năng số nền tảng và kiến thức sử dụng AI ở mức độ phù hợp với từng cấp học.

2.13.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp: Sở, ban, ngành Thành phố

2.14. Nhóm 14: Giải quyết các điểm nghẽn đô thị bằng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.14.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

+ Rà soát, xác định và công bố danh mục (danh mục chi tiết) các điểm nghẽn đô thị trọng tâm của Thủ đô cần ưu tiên giải quyết bằng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tập trung vào các lĩnh vực: giao thông – ùn tắc, môi trường – ô nhiễm, quản lý đất đai – quy hoạch – xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, an toàn – trật tự đô thị, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Hoàn thành trong Quý I/2026.

+ Tổ chức đặt hàng các bài toán công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết các điểm nghẽn đô thị theo danh mục được phê duyệt; khuyến khích tiếp cận theo hướng tích hợp liên ngành, kết hợp dữ liệu, mô hình dự báo, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số và các giải pháp phi công nghệ (thể chế, quy trình, tổ chức). Hoàn thành trong Quý II/2026.

+ Ứng dụng dữ liệu số, mô hình mô phỏng và phân tích dự báo (bao gồm bản sao số – Digital Twin đối với một số cấu phần đô thị) để hỗ trợ công tác quy hoạch, điều hành đô thị theo thời gian thực, giảm độ trễ trong ra quyết định và nâng cao hiệu quả quản lý. Triển khai ngay sau khi hoàn thành bản sao số.

- Các sở, ban, ngành Thành phố (theo nhiệm vụ được phân công cụ thể): Triển khai thí điểm các mô hình, giải pháp công nghệ tại một số khu vực, tuyến, điểm nóng đô thị (theo nguyên tắc làm thật – đo được – điều chỉnh được), làm cơ sở đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng. Hoàn thành trong Quý IV/2026.

2.14.2. Kết quả cần đạt:

- Giảm 10-15% ùn tắc tại các điểm nóng thông qua tối ưu điều hành, phản ứng nhanh và thông tin kịp thời trên iHanoi; giảm khoảng 15-20 triệu giờ công xã hội/năm nhờ rút ngắn thời gian đi lại, giảm ách tắc và tiêu hao nhiên liệu.

- Giảm 20% số điểm ngập tái diễn, qua đó giảm khoảng 10-15% thiệt hại kinh tế do ngập (tài sản, gián đoạn kinh doanh, chi phí khắc phục).

- Giảm 40-50% ô nhiễm cục bộ tại khu vực can thiệp, kéo theo giảm khoảng 5-10% chi phí y tế - môi trường liên quan.

- Nâng năng suất và chất lượng sống đô thị khoảng 3-5% tại các khu vực được can thiệp thông qua cải thiện môi trường sống và điều kiện kinh doanh - dịch vụ.

2.14.3. Đơn vị thực hiện:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì;

- Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, các sở ngành khác, UBND các xã, phường phối hợp trong từng lĩnh vực chuyên ngành.

2.15. Nhóm 15: Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo “Make in Hanoi”

2.15.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo “Make in Hanoi”, trong đó xác định rõ: đối tượng hỗ trợ, cơ chế ưu đãi, phương thức Nhà nước tham gia với vai trò kiến tạo và dẫn dắt thị trường; gói chính sách thu hút có chọn lọc; tăng cường xúc tiến đầu tư trọng điểm; kết nối doanh nghiệp với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thành phố. Đồng thời, xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm chỉ số kết quả và chỉ số điều hành), làm công cụ quản trị, giám sát và điều chỉnh chính sách. Hoàn thành trong Quý I/2026.

- Sở Xây dựng chủ trì tham mưu phát triển hạ tầng xã hội, không gian sáng tạo, trong đó: Xây dựng chính sách ưu đãi thuê, mua nhà ở cho nhân lực số, nhân lực khoa học – công nghệ; Chuyển đổi công năng các cơ sở công nghiệp cũ, công trình phù hợp thành không gian đổi mới sáng tạo, không gian làm việc chung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp. Chính sách nhà ở hoàn thành trong Quý I/2026; chuyển đổi công năng hoàn thành trong Quý III/2026.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST. Trong đó, tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản

trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...). Hoàn thành trong Quý III/2026.

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo về thể chế, mô hình và phương thức quản trị, trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

+ Tổ chức triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã như một mô hình đổi mới phương thức quản trị cơ sở, làm nền tảng cho chính quyền số cấp xã, đồng thời thúc đẩy kinh tế số và xã hội số tại cộng đồng dân cư (thôn, bản, tổ dân phố). Hoàn thành trong Quý I/2026.

+ Thí điểm có kiểm soát các mô hình đổi mới quản trị, không gian thử nghiệm thể chế (sandbox) tại một số địa bàn, lĩnh vực ưu tiên; tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả trong tháng 12/2026.

+ Xây dựng các mô hình thử nghiệm “sandbox” đột phá về cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, như: cơ chế về thủ tục thành lập doanh nghiệp; cơ chế về thuế, phí; cơ chế tiếp cận vốn từ quỹ phát triển khoa học, công nghệ, quỹ đầu tư rủi ro, quỹ đầu tư thiên thần, cơ chế đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp; cơ chế mua sản phẩm đầu ra của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Các cơ chế này phải đạt được mức độ ưu đãi ngang bằng hoặc vượt các nước trong khu vực. Hoàn thành trong Quý II/2026.

2.15.2. Kết quả cần đạt:

- Tăng tỷ lệ nội địa hóa công nghệ trong các dự án đầu tư công của Thành phố lên bình quân 45-50% (nội địa hóa theo chuỗi giá trị, nội địa hóa gắn với doanh nghiệp thủ đô, nội địa hóa và chuyển giao công nghệ bắt buộc, đánh giá nội địa hóa theo giá trị, không theo khối lượng).

- Huy động gấp 2-3 lần nguồn vốn xã hội tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua cơ chế vốn môi của Nhà nước.

- Đạt tối thiểu 2.000 tỷ đồng doanh thu/năm từ thương mại hóa khoa học và công nghệ (nhiệm vụ KH-CN do doanh nghiệp đặt hàng, sản phẩm Make in Hanoi, mua sắm công và mở rộng thị trường).

- Thay thế tối thiểu 10-15% giá trị công nghệ nhập khẩu trong các lĩnh vực ưu tiên (CNTT, dữ liệu, tự động hóa, đô thị thông minh) thông qua sử dụng giải pháp Make in Hanoi, tiêu chuẩn mở, tránh khóa công nghệ ngoại.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo năm 2026 phấn đấu đạt tối thiểu 36%.

- Triển khai tối thiểu 05-07 mô hình đổi mới sáng tạo về thể chế, mô hình tổ chức và phương thức quản trị. Rút ngắn 20-30% thời gian xử lý của các quy trình được đổi mới so với phương thức cũ; giảm rõ rệt chi phí phối hợp liên ngành.

- Khởi công 01-02 khu nhà ở kiểu mẫu dành cho nhân lực số. Hoàn thành quy hoạch và cơ chế vận hành 03 không gian sáng tạo trọng điểm (Khu thương mại - văn hóa BID; Nhà máy xe lửa Gia Lâm; Chợ Đồng Xuân) theo mô hình kinh tế đêm gắn với công nghệ.

2.17.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn: Trong Quý I/2026, xây dựng và ban hành Chương trình học bổng đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh của Thành phố, trong đó xác định rõ lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn, yêu cầu đầu ra của luận án và trách nhiệm sử dụng kết quả nghiên cứu.

2.17.2. Kết quả cần đạt:

- Đào tạo tối thiểu 1.000 nghiên cứu sinh theo chương trình học bổng giai đoạn 2026 - 2030.

- 100% luận án nghiên cứu sinh thuộc chương trình gắn với bài toán điểm nghẽn cụ thể của Thành phố.

- Tối thiểu 60-70% kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh được chuyển hóa thành: luận cứ khoa học cho chính sách, mô hình quản trị, giải pháp công nghệ, quy trình mới hoặc sản phẩm ứng dụng phục vụ Thành phố.

- Từng bước xây dựng mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trẻ gắn bó với Thủ đô, tham gia tư vấn, phản biện và triển khai các nhiệm vụ chiến lược; tạo nguồn đầu vào chất lượng cao cho Thành phố.

2.17.3. Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

2.18. Nhóm 18: Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ, phát triển đội ngũ thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố

2.18.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn: Trong Quý I/2026, xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ, phát triển đội ngũ thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố. Trong đó:

- Áp dụng cơ chế hỗ trợ thu nhập hàng tháng ngoài lương ngạch, bậc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên cơ sở vị trí việc làm, trình độ chuyên môn và mức độ phức tạp của nhiệm vụ bảo đảm tổng thu nhập từ 2 - 2,5 lần mức lương hiện hưởng.

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bán chuyên trách (kiêm nhiệm): căn cứ vào mức độ tham gia và khối lượng công việc thực tế.

- Áp dụng cơ chế hợp đồng chuyên gia, nhà khoa học, chuyên gia công nghệ trong và ngoài khu vực công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, với mức chi trả theo tháng hoặc theo sản phẩm.

- Thực hiện cơ chế thưởng theo kết quả đối với cá nhân, tập thể có sản phẩm, giải pháp mang lại hiệu quả rõ rệt trong triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Gắn trách nhiệm sau đào tạo và hưởng chính sách hỗ trợ với thời gian công tác tối thiểu; đồng thời thiết lập cơ chế bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám thử nghiệm,

2.15.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Phối hợp: 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị từ cấp Thành phố đến cấp xã, chủ động triển khai các giải pháp đổi mới sáng tạo trong phạm vi ngành, lĩnh vực và địa bàn phụ trách.

2.16. Nhóm 16: Ươm mầm, phát triển sớm và hình thành hệ sinh thái nhân tài khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của Thủ đô

2.16.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn:

- Xây dựng chương trình “Next 1.000” nhằm phát hiện sớm và ươm mầm năng khiếu khoa học – công nghệ trong các cấp giáo dục, gắn với giáo dục STEM/STEAM, khoa học dữ liệu, AI ở mức độ phù hợp từng cấp học. Hoàn thành trong Quý II/2026.
- Tổ chức các chương trình ươm mầm, trại hè khoa học, phòng thí nghiệm mở, cuộc thi nghiên cứu – sáng tạo, kết nối học sinh, sinh viên với giảng viên, nhà khoa học, doanh nghiệp công nghệ. Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

- Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học chủ lực của Hà Nội với các trường đại học uy tín quốc tế; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng thực tiễn và chính sách đãi ngộ. Kết nối chặt chẽ kết quả ươm mầm, bồi dưỡng nhân tài với Chương trình học bổng đào tạo nghiên cứu sinh và các nhiệm vụ khoa học – công nghệ của Thành phố, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục. Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026.

2.16.2. Kết quả cần đạt:

- Hình thành chuỗi ươm mầm và phát triển sớm nhân tài khoa học – công nghệ của Thủ đô, liên thông từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đại học đến trước ngưỡng đào tạo nghiên cứu sinh.

- Thực hiện Chương trình “Next 1.000” đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ trẻ xuất sắc.

- Mỗi năm tối thiểu 5–10% học sinh, sinh viên có năng lực khoa học – công nghệ nổi bật được tiếp cận các chương trình ươm mầm, bồi dưỡng chuyên sâu hoặc môi trường nghiên cứu – sáng tạo nâng cao.

- Phát hiện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên có năng lực nổi trội trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, kỹ thuật, toán học, dữ liệu, AI, đổi mới sáng tạo.

2.16.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;
- Phối hợp: Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.

2.17. Nhóm 17: Triển khai Chương trình học bổng đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh gắn với giải quyết các bài toán điểm nghẽn của Thủ đô

cho phép thí điểm các mô hình, giải pháp mới có kiểm soát rủi ro, phù hợp quy định pháp luật.

- Một số nội dung khác.

2.18.2. Kết quả cần đạt:

- Trong Quý I/2026, hoàn thiện và ban hành khung chính sách tổng thể về thu hút, sử dụng, đào tạo, đãi ngộ và giữ chân đội ngũ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực công của Thành phố.

- Hình thành đội ngũ chuyên trách và bán chuyên trách về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại 100% cơ quan thuộc Thành phố, có mô tả vị trí việc làm và tiêu chuẩn năng lực rõ ràng.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả chuyên gia, nhà khoa học, chuyên gia công nghệ trong và ngoài khu vực công, thông qua các cơ chế hợp đồng chuyên gia, đặt hàng nhiệm vụ, thuê dịch vụ gắn với kết quả.

2.18.3. Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

2.19. Nhóm 19: Kiện toàn bộ máy chuyên trách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

2.19.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn: Chậm nhất trong tháng 02/2026, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Ban hành Đề án Kiện toàn bộ máy chuyên trách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trong đó, hình thành Trung tâm dữ liệu và công nghệ số Thành phố Hà Nội - đầu mối duy nhất và tập trung của Thành phố, trên cơ sở hợp nhất các đơn vị sự nghiệp về dữ liệu, hệ thống, ứng dụng, chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. Trong bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ, thành lập Phòng chiến lược khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; và các phòng chuyên trách về Kinh tế số - Xã hội số, Phòng Dữ liệu và Chính quyền số.

- Bổ sung nhân lực thực hiện nhiệm vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ: (1) Bổ sung tối thiểu 30 chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Luật Thủ đô phù hợp với vị trí việc làm tại các phòng chuyên môn; (2) bổ sung tối thiểu 30 chuyên gia phù hợp với các lĩnh vực.

2.19.2. Kết quả cần đạt: Trong Quý I/2026, hoàn thành rà soát, sắp xếp, kiện toàn bộ máy chuyên trách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, tăng tính chuyên sâu

2.19.3. Đơn vị thực hiện:

- Chủ trì đề xuất: Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp: Sở Nội vụ

2.20. Nhóm 20: Bảo đảm an toàn thông tin, củng cố niềm tin số

2.20.1. Nội dung trọng tâm:

- Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo.

- Hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (cơ chế, chính sách, quy định, quy trình công cụ, để giám sát việc tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân). Nghiên cứu triển khai các giải pháp ngăn chặn lừa đảo trực tuyến và nhận diện thông tin giả mạo để bảo vệ người dân. Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo.

2.20.2. Kết quả cần đạt:

- Thời gian phát hiện sự cố dưới 01 giờ, khắc phục dưới 04 giờ.
- Hệ thống chính quyền số vận hành an toàn, ổn định, liên tục 24/7.
- Giảm tối thiểu 60% thiệt hại kinh tế tiềm ẩn do sự cố an ninh mạng (gián đoạn dịch vụ công, mất dữ liệu, rò rỉ thông tin, chi phí xử lý hậu quả).
- Giảm khoảng 70% thời gian gián đoạn dịch vụ số/năm thông qua phát hiện sớm, khắc phục nhanh và cơ chế dự phòng, chuyển mạch liên tục.
- Giảm 30-40% chi phí khắc phục và phục hồi hệ thống sau sự cố nhờ ứng cứu kịp thời, diễn tập định kỳ và chuẩn hóa kịch bản.

2.20.3. Đơn vị chủ trì: Công an Thành phố.

III. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC DIỆN BAN CHỈ ĐẠO THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC

Ban Chỉ đạo 57 thống nhất lựa chọn 30 dự án, đề án trọng điểm để theo dõi, chỉ đạo và đôn đốc tập trung, nhằm trực tiếp hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã được xác định tại Phần I, II. Danh mục này không thay thế nhiệm vụ thường xuyên, không phải danh mục dự án đầu tư chi tiết.

3.1. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật Thủ đô về KHCN, ĐMST và CDS

3.1.1. Mục tiêu: Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật Thủ đô liên quan đến KHCN, ĐMST và CDS; tạo khuôn khổ pháp lý đặc thù, khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

3.1.2. Kết quả then chốt:

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng cụ thể hóa cơ chế đột phá; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, gắn với Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm.
- Hình thành hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù làm cơ sở để Trung ương xem xét, quyết định và tổ chức triển khai.

3.1.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.1.4. Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (nghiên cứu, hội thảo, thuê chuyên gia tư vấn ...).

3.1.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý I/2026.

3.2. Xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh thành phố Hà Nội

3.2.1. *Mục tiêu*: Xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh thành phố Hà Nội với khung định hướng, kiến trúc tổng thể và lộ trình triển khai thống nhất, làm cơ sở tổ chức đầu tư đồng bộ, liên thông và hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, manh mún trong phát triển hạ tầng và ứng dụng số.

3.2.2. *Kết quả then chốt*:

- Đề án phát triển đô thị thông minh Thành phố Hà Nội được xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt theo thẩm quyền, xác định rõ mục tiêu, phạm vi, lộ trình và cơ chế tổ chức thực hiện.

- Khung kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông và bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đô thị thông minh của Thành phố được ban hành, áp dụng thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và tích hợp các nền tảng số dùng chung.

3.2.3. *Đơn vị chủ trì*: Công an Thành phố.

3.2.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: PPP tư vấn quốc tế (nếu cần thiết).

3.2.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý I/2026.

3.3. Bản sao số (Digital Twin) thành phố Hà Nội

3.3.1. *Mục tiêu*: Hình thành Bản sao số Thành phố Hà Nội làm công cụ hỗ trợ chỉ đạo, điều hành, quy hoạch, đất đai, xây dựng và quản trị đô thị dựa trên dữ liệu, phục vụ phân tích, dự báo và ra quyết định trong các lĩnh vực trọng yếu của Thành phố.

3.3.2. *Kết quả then chốt*:

- Hoàn thành mô hình bản sao số cho toàn Thành phố; thực hiện mô phỏng thành công ít nhất 02 kịch bản: (1) Phân luồng, điều phối giao thông tự động 24/7 trong giờ cao điểm bằng AI sử dụng Camera hoặc Radar, (2) Kịch bản thoát nước khi lượng mưa đạt 100mm/2h. Đồng thời, sử dụng để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính và hoạt động điều hành của chính quyền như cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nền bản sao số, giám sát đất đai, quản lý trật tự xây dựng và các dịch vụ khác để phát triển kinh tế số như tra cứu thông tin quy hoạch, cung cấp dữ liệu số dùng chung như bản đồ địa hình hiện trạng 2D/3D, mô hình số độ cao (DEM).

- Ứng dụng Bản sao số trong mô phỏng, phân tích kịch bản, đánh giá tác động và hỗ trợ ra quyết định, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

3.3.3. *Đơn vị chủ trì thực hiện*: Sở Khoa học và Công nghệ. Các sở, ban, ngành, xã, phường phối hợp thực hiện.

3.3.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP với doanh nghiệp công nghệ (dữ liệu, AI) và các hình thức xã hội hóa khác (nếu phù hợp và cần thiết).

3.3.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý III/2026.

3.4. Xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Thành phố và Trung tâm tính toán thông minh (AIDC)

3.4.1. *Mục tiêu*: Hình thành năng lực hạ tầng tính toán và dữ liệu dùng chung của Thành phố, làm nền tảng triển khai trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ các bài toán ưu tiên trong quản trị, điều hành và cung cấp dịch vụ công, bảo đảm chủ động, an toàn và hiệu quả.

3.4.2. *Kết quả then chốt*:

- Mô hình tổ chức, quản trị và vận hành Trung tâm dữ liệu dùng chung và Trung tâm tính toán thông minh của Thành phố được xác lập và đưa vào hoạt động theo nguyên tắc dùng chung, không phân tán, không trùng lặp.
- Một số ứng dụng AI trọng điểm được triển khai thí điểm, gắn với các bài toán điều hành cụ thể, có KPI đo lường kết quả và dữ liệu đánh giá trước - sau.

3.4.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.4.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Khuyến khích các hình thức xã hội hóa (nếu phù hợp và cần thiết).

3.4.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.5. Chuẩn hóa và kết nối hệ thống camera ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ điều hành đô thị

3.5.1. *Mục tiêu*: Chuẩn hóa, tích hợp và khai thác hiệu quả hệ thống camera trên địa bàn Thành phố, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo sớm và hỗ trợ xử lý các vấn đề đô thị theo thời gian thực, phục vụ chỉ đạo, điều hành thống nhất.

3.5.2. *Kết quả then chốt*:

- Hệ thống camera hiện có được chuẩn hóa, kết nối và tích hợp về nền tảng dùng chung, bảo đảm chia sẻ dữ liệu phục vụ điều hành đô thị.
- Một số chức năng AI trọng điểm được triển khai (phát hiện vi phạm, nhận diện bất thường, cảnh báo sớm), hỗ trợ hiệu quả công tác điều hành giao thông, trật tự đô thị và bảo đảm an ninh, an toàn trên địa bàn Thành phố.

3.5.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Công an Thành phố.

3.5.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP với doanh nghiệp an ninh mạng.

3.5.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.6. Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ số hóa tài liệu tập trung của các cơ quan trên địa bàn thành phố Hà Nội”

3.6.1. *Mục tiêu*: Hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung từ nguồn tài liệu của các cơ quan khối Đảng, khối chính quyền và khối đoàn thể trên địa bàn Thành phố, đảm bảo dữ liệu được tập trung, liên thông, chia sẻ, tái sử dụng. Nâng cao hiệu năng, hiệu quả, hiệu suất quản lý điều hành thông qua việc không sử dụng hồ sơ giấy, tích hợp AI, khai thác và sử dụng dữ liệu dễ dàng.

3.6.2. *Kết quả then chốt*: Toàn bộ tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn, thường xuyên tái sử dụng và kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa và OCR để tạo lập cơ sở dữ liệu, chuyển vào kho cơ sở dữ liệu tập trung của Thành phố; phục vụ cấu trúc hóa, phân tích, khai thác dữ liệu trong điều hành và cung cấp dịch vụ của Thành phố.

3.6.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Khoa học và Công nghệ (điều chỉnh từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tại Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 của UBND Thành phố).

3.6.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (chính lý, số hóa tài liệu, OCR, xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu dùng chung).

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP với doanh nghiệp công nghệ số (dịch vụ số hóa hàng loạt, OCR/AI tiên tiến, lưu trữ đám mây).

3.6.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.7. Hoàn thành Kho dữ liệu tập trung Thành phố

3.7.1. *Mục tiêu*: Hình thành Kho dữ liệu tập trung, dùng chung của Thành phố làm nền tảng cho quản trị, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu, khắc phục tình trạng phân tán, cát cứ, khai thác kém hiệu quả các cơ sở dữ liệu hiện có.

3.7.2. *Kết quả then chốt*:

- Trong Quý I/2026, đồng bộ dữ liệu các lĩnh vực trọng điểm, đặc biệt ưu tiên lĩnh vực đất đai, quy hoạch, để phục vụ cho các công tác giải phóng mặt bằng, giải quyết TTHC về đất đai, quản lý trật tự xây dựng trên toàn Thành phố.

- Quý IV/2026, mọi dữ liệu được tích hợp, liên thông và chuẩn hóa trên Kho dữ liệu tập trung của Thành phố. Dữ liệu trở thành tài sản số, tài sản công, quản lý tập trung bởi hạ tầng của Thành phố.

3.7.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.7.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Liên thông dữ liệu quốc gia; thuê dịch vụ.

3.7.5. *Tiến độ*: Hoàn thành toàn diện trong Quý I/2026.

3.8. Mở rộng, hoàn thiện Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

3.8.1. Mục tiêu: Hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, tạo nền tảng thiết yếu để thu hút, triển khai các dự án công nghệ cao, nghiên cứu - phát triển và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố trong thu hút đầu tư chiến lược.

3.8.2. Kết quả then chốt:

- Các hạng mục hạ tầng số ưu tiên tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được hoàn thiện, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất công nghệ cao.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút, triển khai dự án công nghệ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hoạt động ổn định, lâu dài.

- Khởi công khu đô thị thông minh hỗ trợ cho Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

- Hình thành khu vực 460 ha hỗ trợ cho Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

3.8.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu Công nghiệp.

3.8.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (hạ tầng số, khu đô thị thông minh hỗ trợ);

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (thu hút doanh nghiệp lớn như Viettel, FPT, CMC, Vingroup).

3.8.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.9. Phát triển Ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHanoi)

3.9.1. Mục tiêu: iHanoi được định vị là nền tảng giao diện và trải nghiệm số thống nhất của Thành phố, đóng vai trò kết nối, tích hợp và khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số hiện có, không thay thế các hệ thống chuyên ngành, mà bảo đảm khả năng liên thông, đồng bộ dữ liệu, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận và sử dụng dịch vụ.

3.9.2. Kết quả then chốt:

- iHanoi được phát triển thành siêu ứng dụng, tích hợp, kết nối đồng bộ với các hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ xã hội số và các tiện ích thiết yếu của Thành phố.

- Tăng cường sự tham gia của người dân trên iHanoi được thực hiện thông qua các cơ chế bảo đảm minh bạch, phản hồi kịp thời và rõ ràng đối với các phản ánh, kiến nghị; công khai tiến độ, kết quả xử lý; đồng thời nghiên cứu áp dụng các hình thức ghi nhận, đánh giá mức độ tham gia của công dân trên môi trường số, qua đó khuyến khích người dân đồng hành, giám sát và tham gia tích cực vào quản lý, phát triển đô thị.

- Dữ liệu phát sinh từ hoạt động tương tác trên iHanoi được quản lý tập trung, bảo đảm an toàn, bảo mật và tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đồng thời được chuẩn hóa, phân tích và khai thác hiệu quả nhằm phục vụ công tác thống kê, phân tích, dự báo, hỗ trợ chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách của Thành phố theo hướng thông minh, dựa trên dữ liệu.

- iHanoi được phát triển theo mô hình nền tảng mở, cho phép các doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ, tiện ích số trên cơ sở các tiêu chí, chuẩn mực kỹ thuật và quy định quản lý thống nhất của Thành phố; bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin và quyền lợi của người dân, đồng thời phát huy nguồn lực xã hội trong phát triển hệ sinh thái số Thủ đô.

- Trên cơ sở bảo đảm lợi ích công cộng và tuân thủ quy định pháp luật, iHanoi từng bước nghiên cứu, triển khai các cơ chế tạo nguồn thu hợp pháp, minh bạch từ việc cung cấp các dịch vụ số gia tăng, tích hợp dịch vụ của doanh nghiệp, khai thác hợp lý hạ tầng và dữ liệu số; qua đó góp phần duy trì, tái đầu tư và nâng cao hiệu quả vận hành bền vững của nền tảng.

3.9.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.9.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP với doanh nghiệp công nghệ.

3.9.5. Tiến độ: Quý I/2026 ra mắt phiên bản đầu tiên của siêu ứng dụng iHanoi. Quý IV/2026 hình thành siêu ứng dụng toàn diện.

3.10. Xây dựng Cơ sở dữ liệu chuyên gia, nhà khoa học của Thành phố

3.10.1. Mục tiêu: Hình thành Cơ sở dữ liệu chuyên gia, nhà khoa học của Thành phố làm công cụ phục vụ công tác tham mưu, tư vấn, phản biện và đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hoạch định chính sách và giải quyết các bài toán phát triển của Thủ đô.

3.10.2. Kết quả then chốt:

- Hồ sơ chuyên gia, nhà khoa học được chuẩn hóa, cập nhật và quản lý thống nhất, bảo đảm độ tin cậy, khả năng tra cứu và khai thác sử dụng.

- Cơ sở dữ liệu được kết nối, khai thác thực chất trong hoạt động tham mưu, phản biện chính sách, xây dựng đề án, chương trình và đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Thành phố.

3.10.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.10.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Chi phí thấp, chủ yếu nguồn nhân lực.

3.10.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.11. Số hóa dữ liệu đầu tư và quản lý dự án đầu tư công

3.11.1. Mục tiêu: Số hóa, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả theo dõi, giám sát, điều hành tiến độ và giải ngân, kịp thời phát hiện, tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình triển khai dự án đầu tư công của Thành phố.

3.11.2. Kết quả then chốt:

- Dữ liệu, hồ sơ các dự án đầu tư công trọng điểm được số hóa, chuẩn hóa và quản lý tập trung, bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời và khả năng liên thông.

- Dữ liệu đầu tư công được khai thác thực chất phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát tiến độ, giải ngân và đánh giá hiệu quả đầu tư, làm cơ sở nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công.

3.11.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Tài chính chủ trì; Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.11.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Tích hợp hệ thống đầu tư công toàn Thành phố.

3.11.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý I/2026

3.12. Mô hình Không gian làm việc số (HanoiWork)

3.12.1. Mục tiêu: Triển khai HanoiWork trở thành nền tảng làm việc số dùng chung, bắt buộc áp dụng đối với toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ cấp Thành phố đến cấp xã, phường; là trực tích hợp trung tâm kết nối con người – quy trình – dữ liệu trong hệ thống chính trị Thành phố, từng bước thay thế các phần mềm rời rạc, phân tán, hình thành phương thức làm việc số thống nhất, nâng cao năng suất lao động khu vực công và hiệu quả chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và AI. HanoiWork được xác định là hạ tầng nền tảng cốt lõi để thực hiện kỷ luật “AI First”,

3.12.2. Kết quả then chốt:

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị Thành phố sử dụng tài khoản làm việc số thống nhất trên nền tảng HanoiWork.

- Toàn bộ quy trình xử lý công việc nội bộ trọng yếu (soạn thảo, trình ký, phê duyệt, giao việc, theo dõi tiến độ, lưu trữ) được thực hiện khép kín trên HanoiWork.

- Tích hợp các chức năng hỗ trợ thông minh (AI) trong HanoiWork để hỗ trợ ghi nhận, tổng hợp, tóm tắt nội dung họp; hỗ trợ đọc hiểu, phân tích văn bản, theo dõi và đôn đốc nhiệm vụ; tổng hợp, phân tích dữ liệu từ các hệ thống chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Giảm tối thiểu 20-25% thời gian xử lý trung bình của các quy trình công việc nội bộ.

3.12.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.12.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (triển khai, nâng cấp, mở rộng nền tảng HanoiWork; tích hợp AI hỗ trợ làm việc số; đào tạo sử dụng cho 100% cán bộ, công chức).

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích các hình thức xã hội hóa nếu phù hợp.

3.12.5. Tiến độ: Trong Quý I/2026, đảm bảo kết nối các hệ thống phần mềm, tiện ích làm việc, trợ lý AI trên HanoiWork, tạo một chu trình khép kín trong trao đổi, tương tác, xử lý công việc, báo cáo và theo dõi tiến độ ngay trên nền tảng này, đảm bảo áp dụng trên toàn hệ thống chính trị của Thành phố.

3.13. Bố trí, bảo đảm nguồn vốn đầu tư công trang bị máy xạ trị proton

3.13.1. Mục tiêu: Bố trí, huy động và quản lý hiệu quả nguồn vốn đầu tư công để triển khai đầu tư hạ tầng và trang bị hệ thống xạ trị proton tại các cơ sở y tế trọng điểm của Thành phố; từng bước làm chủ công nghệ điều trị ung thư hiện đại, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm chi phí điều trị cho người bệnh và góp phần nâng cao năng lực y tế chuyên sâu của Thủ đô và quốc gia.

3.13.2. Kết quả then chốt:

- Hoàn thành Đề án đầu tư trang bị máy xạ trị proton, xác định rõ quy mô, công nghệ, lộ trình triển khai và tổng mức đầu tư dự kiến.

- Bố trí vốn ngân sách Thành phố giai đoạn chuẩn bị và triển khai ban đầu, phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn hợp pháp khác (xã hội hóa, ODA, hợp tác quốc tế) để hoàn thiện dự án theo lộ trình được phê duyệt.

3.13.3. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Y tế; Bệnh viện Ung bướu Hà Nội.

3.13.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (giai đoạn chuẩn bị, hạ tầng);

- Nguồn lực bổ sung: Xã hội hóa (ODA, hợp tác quốc tế, vốn tư nhân y tế).

3.13.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.14. Triển khai Đề án Kinh tế không gian tầm thấp và hạ tầng thu phát dữ liệu đô thị

3.14.1. Mục tiêu: Thí điểm phát triển kinh tế không gian tầm thấp (Low Altitude Economy - LAE) gắn với xây dựng hạ tầng thu thập, truyền dẫn dữ liệu đô thị tự động, phục vụ quản trị, điều hành đô thị dựa trên dữ liệu, bảo đảm an toàn, kiểm soát rủi ro và khả năng nhân rộng.

3.14.2. Kết quả then chốt:

- Ban hành và tổ chức triển khai khung thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình ứng dụng kinh tế không gian tầm thấp trong quản lý đô thị, logistics, giám sát hạ tầng và dịch vụ công.

- Hình thành mạng lưới thu thập và truyền dẫn dữ liệu đô thị (trạm thu - phát, cảm biến, thiết bị bay không người lái), kết nối tập trung về hệ thống điều hành, giám sát của Thành phố.

3.14.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở khoa học và Công nghệ chủ trì; Sở Tài chính phối hợp.

3.14.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hạ tầng cảm biến, drone).

3.14.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.15. Xây dựng và triển khai Đề án phát triển Kinh tế đêm

3.15.1. Mục tiêu: Hình thành mô hình phát triển kinh tế đêm có cơ sở pháp lý, cơ chế tổ chức và phương thức vận hành rõ ràng, khai thác hiệu quả tiềm năng văn hóa, du lịch, dịch vụ của Thủ đô; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, quản lý đô thị, an ninh trật tự và đời sống xã hội.

3.15.2. Kết quả then chốt:

- Đề án phát triển kinh tế đêm của Thành phố được xây dựng, phê duyệt và triển khai thí điểm tại một số khu vực phù hợp, có tiêu chí lựa chọn và phạm vi quản lý cụ thể.

- Tại các khu vực thí điểm kinh tế đêm, phấn đấu tăng mức chi tiêu bình quân của du khách từ 20-30% so với trước khi triển khai; kéo dài thời gian lưu trú trung bình của khách du lịch thêm 0,5 ngày.

3.15.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.15.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hợp tác văn hóa-du lịch, khu vực thí điểm).

3.15.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.16. Phát triển hệ thống không gian văn hóa sáng tạo gắn với công nghiệp văn hóa Thủ đô

3.16.1. Mục tiêu: Phát triển hệ thống không gian văn hóa sáng tạo nhằm thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa, khai thác và phát huy giá trị di sản, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và bản sắc Thủ đô.

3.16.2. Kết quả then chốt:

- Mạng lưới không gian văn hóa, làm việc sáng tạo cho nghệ sĩ, trí thức được hình thành và mở rộng.

- Tăng số hoạt động sáng tạo, sản phẩm văn hóa có giá trị kinh tế - xã hội.

3.16.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện:* Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp.

3.16.4. *Nguồn lực:*

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hợp tác doanh nghiệp văn hóa sáng tạo) và các hình thức xã hội hóa khác.

3.16.5. *Tiến độ:* Hoàn thành trong Quý III/2026.

3.17. Phát triển mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố

3.17.1. *Mục tiêu:* Hình thành mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố làm hạt nhân liên kết nghiên cứu - ứng dụng - thương mại hóa công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm, giải pháp công nghệ “Make in Hanoi”.

3.17.2. *Kết quả then chốt:*

- Mạng lưới các Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố được hình thành và vận hành theo mô hình thống nhất, có cơ chế liên kết, chia sẻ nguồn lực và dữ liệu.

- Gia tăng số lượng nhiệm vụ, dự án đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn, có sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp và khả năng thương mại hóa.

3.17.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện:*

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Chủ trì tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng khung chính sách, định hướng phát triển, tiêu chí và mô hình tổ chức mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

+ Trình UBND Thành phố ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các Trung tâm đổi mới sáng tạo (số lượng dự án ươm tạo, tỷ lệ thương mại hóa, mức độ tham gia của doanh nghiệp, đóng góp cho tăng trưởng và giải quyết bài toán thực tiễn của Thành phố).

+ Chủ trì xây dựng cơ chế đặt hàng nhiệm vụ, dự án đổi mới sáng tạo của Thành phố thông qua mạng lưới Trung tâm; gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và các bài toán lớn của Thành phố.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn ngân sách Thành phố (vốn môi) bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, công khai, minh bạch.

+ Định kỳ đánh giá, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố về tình hình hoạt động, kết quả và đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện mô hình mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Công ty Cổ phần đổi mới sáng tạo Thành phố:

+ Là đơn vị đầu mối tổ chức vận hành mạng lưới các Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố theo định hướng, khung chính sách và tiêu chí do Thành phố ban hành.

+ Tổ chức kết nối các Trung tâm, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, quỹ đầu tư và chuyên gia trong và ngoài nước; triển khai các hoạt động ươm tạo, tăng tốc, thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ.

+ Chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công – tư (PPP) để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới.

3.17.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (vốn môi);

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (liên kết doanh nghiệp, chia sẻ nguồn lực).

3.17.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.18. Triển khai các Công viên công nghệ của Thành phố

3.18.1. Mục tiêu: Hình thành các Công viên công nghệ của Thành phố theo mô hình hiện đại, làm không gian tập trung cho hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo, thử nghiệm, sản xuất công nghệ cao và thu hút doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

3.18.2. Kết quả then chốt:

- Xác lập rõ mô hình đầu tư, quản lý và vận hành các Công viên công nghệ theo hướng huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm hiệu quả, bền vững.

- Thu hút các doanh nghiệp, dự án công nghệ cao, R&D và đổi mới sáng tạo có hàm lượng tri thức lớn, gắn với định hướng phát triển các ngành công nghệ ưu tiên của Thành phố.

3.18.3. Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp phối hợp.

3.18.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (quy hoạch);

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (huy động xã hội, mô hình đầu tư bền vững).

3.18.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.19. Xây dựng và vận hành Chợ Chuyển đổi số, Sàn giao dịch công nghệ của Thành phố

3.19.1. Mục tiêu: Hình thành Chợ chuyển đổi số như một nền tảng tích hợp toàn diện các hoạt động: niêm yết, chuẩn hóa, kiểm định, thử nghiệm, giao dịch và thanh toán theo kết quả. Đây là giải pháp đột phá nhằm khắc phục tình trạng manh mún, thiếu thông tin và tư duy mua sắm "đầu vào". Thông qua Chợ, hoạt động mua sắm công nghệ được chuyển hóa thành cơ chế đặt hàng theo bài toán và KPI minh bạch. (*Cơ chế vận hành: Xác định giao dịch trên Chợ là phương thức mua sắm/đặt hàng hợp lệ, có giá trị pháp lý để ký kết hợp đồng và thanh toán; Kiểm soát chất lượng: Áp dụng quy trình tiên kiểm (đánh giá năng lực, an toàn thông tin, khả năng đo lường KPI trước khi niêm yết) và hậu kiểm (nghiệm thu dựa trên dữ liệu thực tế). Kết quả hậu kiểm là căn cứ thanh toán và xếp hạng tín nhiệm nhà cung cấp; Cạnh tranh hai tầng: (1) Cạnh tranh về chất lượng để được vào danh mục niêm yết (vượt qua tiên kiểm); (2) Cạnh tranh về giá/hiệu quả trong nhóm các giải pháp đã đạt chuẩn để được lựa chọn triển khai)*)

3.19.2. Kết quả then chốt:

- Chợ Chuyển đổi số và Sàn giao dịch công nghệ được xây dựng, vận hành thống nhất, bảo đảm chuẩn hóa thông tin, tiêu chí kỹ thuật và cơ chế đánh giá giải pháp.

- Thu hút tối thiểu 50 nhà cung cấp giải pháp công nghệ tham gia Chợ; thực hiện thành công ít nhất 20 giao dịch/hợp đồng đặt hàng thử nghiệm từ khu vực công qua Chợ Chuyển đổi số.

3.19.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.19.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (xây dựng nền tảng);

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (thu hút 50 nhà cung cấp, 20 giao dịch thử nghiệm).

3.19.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.20. Hình thành 03 trung tâm nghiên cứu đầu tư đổi mới sáng tạo, liên kết thử nghiệm và chuẩn hóa công nghệ trọng điểm của Thành phố

3.20.1. Mục tiêu: Tạo đột phá trong giải quyết các bài toán lớn, liên ngành của Thành phố thông qua cơ chế đặt hàng, thử nghiệm và chuẩn hóa công nghệ, làm nền tảng cho ứng dụng và nhân rộng.

3.20.2. Kết quả then chốt:

- Hình thành và vận hành 03 trung tâm liên kết với Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Y Hà Nội và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tập trung thử nghiệm, kiểm chứng và chuẩn hóa công nghệ trong các lĩnh vực đô thị - công nghiệp số, y tế số và năng lượng.

- Áp dụng cơ chế tài chính theo kết quả: ngân sách Thành phố bố trí để giải bài toán (vốn môi), thanh toán theo kết quả đầu ra và sản phẩm thử nghiệm; huy động đồng tài trợ từ doanh nghiệp, quỹ đầu tư; chỉ tiếp tục bố trí kinh phí và nhân rộng đối với các nội dung chứng minh được hiệu quả thực chất.

3.20.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.20.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (vốn môi);
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (đồng tài trợ doanh nghiệp, quỹ đầu tư).

3.20.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.21. Thí điểm Đề án “Mô hình tiêu dùng số và bảo trợ thương mại điện tử Hà Nội”

3.21.1. Mục tiêu: Thí điểm mô hình tiêu dùng số do Thành phố bảo trợ nhằm định hướng, kiểm soát chất lượng và minh bạch hóa hoạt động thương mại điện tử; đồng thời hình thành nguồn dữ liệu tiêu dùng thực phục vụ công tác quy hoạch, điều hành và phát triển thị trường trong nước.

3.21.2. Kết quả then chốt:

- Vận hành thí điểm mô hình/nền tảng tiêu dùng số được Thành phố bảo trợ theo cơ chế quản lý phù hợp, tạo môi trường giao dịch minh bạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp.

- Thu thập, phân tích và khai thác dữ liệu hành vi tiêu dùng thực tế làm cơ sở phục vụ công tác dự báo thị trường, quy hoạch thương mại và điều hành chính sách phát triển thương mại điện tử của Thành phố.

3.21.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Công Thương chủ trì; Chi cục Hải quan Khu vực I, Thuế thành phố Hà Nội, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.21.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hợp tác doanh nghiệp TMĐT).

3.21.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.22. Đề án Liên thông dữ liệu, tối ưu hóa chi phí logistics - xuất nhập khẩu

3.22.1. Mục tiêu: Xây dựng cơ chế phối hợp và nền tảng công nghệ để liên thông dữ liệu thời gian thực giữa Hải quan - Thuế - Tài chính; giảm chi phí tuân thủ, chi phí vãng lai và rút ngắn thời gian thông quan cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

3.22.2. Kết quả then chốt:

- Hình thành Cổng dữ liệu liên thông xuất nhập khẩu, loại bỏ các khâu kiểm tra, đối chiếu trùng lặp giữa các cơ quan quản lý.

- Giảm chi phí vãng lai cho xã hội ước tính khoảng gần 800 tỷ đồng/năm, thông qua rút ngắn thời gian thông quan và giảm chi phí logistics, lưu kho, đi lại của doanh nghiệp.

- Minh bạch hóa lịch sử tuân thủ của doanh nghiệp, làm cơ sở áp dụng cơ chế phân luồng, tự động đối với doanh nghiệp chấp hành tốt.

3.22.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Công Thương chủ trì; Chi cục Hải quan Khu vực I, Thuế thành phố Hà Nội, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.22.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (giảm chi phí xã hội).

3.22.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.23. Nâng cao hiệu quả vận hành và khai thác Sổ sức khỏe điện tử

3.23.1. *Mục tiêu*: Nâng cao hiệu quả vận hành và khai thác Sổ sức khỏe điện tử đã được tạo lập trên địa bàn Thành phố; chuyển trọng tâm từ quản lý hồ sơ sang sử dụng dữ liệu sức khỏe phục vụ điều hành hệ thống y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân.

3.23.2. *Kết quả then chốt*:

- Sổ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, liên thông, đồng bộ giữa các cơ sở y tế và các hệ thống liên quan, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử được khai thác thực chất trong công tác quản lý, điều hành y tế, khám chữa bệnh, theo dõi sức khỏe liên tục và hỗ trợ chuyên môn từ xa; gắn kết chặt chẽ với các mô hình Telehealth, y tế số.
- Hiệu quả quản lý và chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân được cải thiện rõ rệt, có thể đo lường và kiểm chứng bằng dữ liệu vận hành, không chỉ dừng ở tỷ lệ tạo lập hồ sơ.

3.23.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Y tế.

3.23.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hợp tác cơ sở y tế).

3.23.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý I/2026.

3.24. Phát triển mô hình kinh tế tóc bạc trên địa bàn Thành phố

3.24.1. *Mục tiêu*: Nghiên cứu, hình thành và thí điểm mô hình kinh tế tóc bạc (mô hình kinh tế chăm sóc người cao tuổi) gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi theo hướng bền vững, đồng thời bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội trong bối cảnh già hóa dân số của Thủ đô.

3.24.2. *Kết quả then chốt*:

- Thí điểm mô hình kinh tế tóc bạc tích hợp các dịch vụ y tế, chăm sóc, hỗ trợ xã hội và ứng dụng công nghệ, phù hợp điều kiện đô thị lớn.
- Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, khả năng tổ chức thực hiện và điều kiện nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn Thành phố.

3.24.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Y tế chủ trì; Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.24.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (nghiên cứu, thí điểm);
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (dịch vụ chăm sóc người cao tuổi).

3.24.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý III/2026.

3.25. Xây dựng và vận hành hệ thống khám, chữa bệnh từ xa (Telehealth) của Thành phố

3.25.1. *Mục tiêu*: Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đa tuyến; giảm quá tải bệnh viện tuyến trên; bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng ngay tại cơ sở thông qua ứng dụng công nghệ số.

3.25.2. *Kết quả then chốt*:

- Hình thành hệ thống Telehealth kết nối đồng bộ giữa các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố và với tuyến trung ương, bảo đảm hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn từ xa hiệu quả.

- Giảm tỷ lệ chuyển tuyến không cần thiết; nâng cao năng lực chuyên môn của tuyến cơ sở, được chứng minh bằng dữ liệu vận hành và kết quả điều trị.

3.25.3. *Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện*: Sở Y tế chủ trì; Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp.

3.25.4. *Nguồn lực*:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (xây dựng hệ thống kết nối);

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích xã hội hóa (hợp tác y tế tuyến trên, giảm chuyển tuyến).

3.25.5. *Tiến độ*: Hoàn thành trong Quý III/2026.

3.26. Đề án tổng thể về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các bài toán, điểm nghẽn lớn của Thủ đô, thúc đẩy xã hội số thực chất.

3.26.1. *Mục tiêu*: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố theo hướng thực học - thực hành - thực chiến, có khả năng tham gia trực tiếp vào việc nghiên cứu, triển khai, làm chủ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời giải quyết các bài toán, điểm nghẽn lớn của Thủ đô.

3.26.2. *Kết quả then chốt*:

- Hình thành hệ thống chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố, được thiết kế theo các bài toán lớn, điểm nghẽn ưu tiên trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được triển khai theo mô hình liên kết Nhà nước – cơ sở đào tạo – doanh nghiệp công nghệ, gắn chặt với yêu cầu thực tiễn, dự án cụ thể và nền tảng số của Thành phố.

- Tạo nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn sàng tham gia các chương trình ươm mầm nhân tài, chương trình “Next 1.000”, các nhiệm vụ khoa học – công nghệ và Chương trình học bổng đào tạo nghiên cứu sinh của Thành phố, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục.

- Học viên được đánh giá, cấp chứng nhận năng lực, góp phần nâng cao kỹ năng số, khả năng ứng dụng công nghệ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ trong thực tiễn.

- Kết quả đào tạo và đánh giá được sử dụng chính thức trong tuyển dụng, sử dụng lao động, thúc đẩy cạnh tranh.

3.26.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.26.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (chương trình đào tạo liên kết);
- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP (hợp tác doanh nghiệp công nghệ, cơ sở đào tạo uy tín).

3.26.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.27. Đề án thí điểm phát triển nhà ở và không gian sống cho nhân lực khu công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.27.1. Mục tiêu: Kiến tạo hạ tầng xã hội “an cư” để thu hút, giữ chân chuyên gia, nhân lực công nghệ cao; thí điểm mô hình “Smart Living” tích hợp không gian sống - làm việc - sáng tạo.

3.27.2. Kết quả then chốt:

- Ban hành cơ chế ưu đãi đặc thù về thuê, mua nhà ở xã hội dành cho nhân lực công nghệ cao, chuyên gia làm việc tại các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Khởi công 01-02 khu nhà ở xã hội kiểu mẫu, tích hợp tiện ích công nghệ và không gian văn hóa - sáng tạo.

3.27.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Xây dựng.

3.27.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (khởi công 1-2 khu nhà ở kiểu mẫu);
- Nguồn lực bổ sung: PPP (ưu đãi thuê/mua, mô hình Smart Living).

3.27.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.28. Xây dựng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố theo cơ chế đặc thù (mô hình “Hanoi Science Fund”)

3.28.1. Mục tiêu: Đổi mới căn bản cơ chế vận hành Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố theo hướng linh hoạt, cạnh tranh, tiệm cận thông lệ quốc tế; chuyển từ cơ chế cấp phát hành chính sang cơ chế đầu tư theo chất lượng khoa học và kết quả đầu ra, tạo dư địa chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu cơ bản và công nghệ chiến lược.

3.28.2. Kết quả then chốt:

- Vận hành Quỹ theo cơ chế đặc thù, áp dụng đánh giá khoa học độc lập, minh bạch, tách bạch quản lý nhà nước với quyết định tài trợ khoa học.

- Thí điểm cơ chế “vốn môi” cho nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu định hướng công nghệ chiến lược; gắn hỗ trợ tài chính với lộ trình khoa học và tiềm năng ứng dụng.

- Hình thành danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm có chất lượng cao, làm nền tảng cho phát triển công nghệ và thương mại hóa trong các giai đoạn tiếp theo.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

3.28.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.28.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố qua Quỹ “Hanoi Science Fund” (vốn môi);

- Nguồn lực bổ sung: Cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát.

3.28.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý II/2026.

3.29. Hình thành các Không gian nghiên cứu - thử nghiệm công nghệ chiến lược của Thành phố

3.29.1. Mục tiêu: Tổ chức các không gian nghiên cứu - thử nghiệm công nghệ chiến lược theo mô hình mở, linh hoạt, làm hạt nhân kết nối nghiên cứu - thử nghiệm - hoàn thiện công nghệ, phục vụ giải quyết các bài toán lớn của Thành phố; không hình thành pháp nhân viện nghiên cứu độc lập, bảo đảm đúng thẩm quyền và khả năng triển khai.

3.29.2. Kết quả then chốt:

- Hình thành một số không gian nghiên cứu - thử nghiệm công nghệ chiến lược đặt tại các khu công nghệ cao, cơ sở nghiên cứu - đào tạo hiện có, khai thác tối đa hạ tầng sẵn có.

- Tổ chức hoạt động nghiên cứu theo cơ chế dự án, thu hút đội ngũ nhà khoa học, kỹ sư tham gia theo nhiệm vụ cụ thể; hình thành các nhóm nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực công nghệ ưu tiên của Thành phố.

- Tạo môi trường thử nghiệm, kiểm chứng và hoàn thiện công nghệ trước khi chuyển sang giai đoạn ứng dụng, thương mại hóa hoặc nhân rộng.

3.29.3. Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.29.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố;

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP và xã hội hóa (hợp tác viện nghiên cứu, doanh nghiệp).

3.29.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý IV/2026.

3.30. Đề án đào tạo năng lực số cho Đảng viên, công chức và công dân Thủ đô

3.30.1. Mục tiêu: nâng cao năng lực số phổ cập và năng lực số chuyên dùng cho Đảng viên, công chức và công dân Thủ đô, tăng năng suất làm việc, tạo khả năng thích ứng nhanh và chủ động của người dân Thủ đô với tốc độ phát triển xã hội số, gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế số.

3.30.2. Kết quả then chốt:

- Đề án đào tạo năng lực số cho Đảng viên, công chức và công dân Thủ đô được phê duyệt và triển khai từ Quý I/2026.

- Tác động của Đề án phủ khắp 100% Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị của Thành phố và tác động trực tiếp đến công dân Thủ đô thông qua mô hình hợp tác 3 nhà.

3.30.3. Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.30.4. Nguồn lực:

- Nguồn lực chủ yếu: Ngân sách Thành phố (xây dựng và phê duyệt Đề án; tổ chức đào tạo phổ cập năng lực số cho Đảng viên, công chức và công dân; phát triển nội dung, nền tảng đào tạo trực tuyến).

- Nguồn lực bổ sung: Khuyến khích PPP với doanh nghiệp công nghệ và cơ sở giáo dục (hợp tác xây dựng chương trình, cung cấp nền tảng số, tài liệu học tập; vốn môi từ Quỹ KHCN).

3.30.5. Tiến độ: Hoàn thành trong Quý I/2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Thành viên Ban Chỉ đạo

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác cá nhân nhằm triển khai đầy đủ, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Phát huy vai trò lãnh đạo, nêu gương; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các chủ trương, định hướng của Kế hoạch trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

Định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện; kịp thời - phát hiện những vấn đề mới phát sinh, chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố

- Lãnh đạo việc tổ chức triển khai Kế hoạch trong toàn bộ khối các cơ quan Đảng Thành phố; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

- Lãnh đạo việc tiếp tục triển khai Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng thuộc Thành ủy Hà Nội; bảo đảm đúng định hướng, yêu cầu của Trung ương và Thành ủy.

- Lãnh đạo các Ban Đảng và Văn phòng Thành ủy:

+ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể hóa và lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; đồng thời lãnh đạo việc rà soát, điều chỉnh quy trình công tác, phương thức làm việc theo hướng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức thực hiện nghiêm việc sử dụng các nền tảng số dùng chung; bảo

đảm kỹ luật dữ liệu, an toàn thông tin và hiệu quả thực chất trong xử lý công việc trên môi trường số; gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu trong khối các cơ quan Đảng Thành phố.

+ Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ gắn với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng định hướng, tiêu chí đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực có liên quan; tham mưu công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo; lồng ghép tiêu chí về năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào công tác đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm theo quy định.

+ Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chủ trì tham mưu, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền; tạo sự thống nhất về nhận thức, sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; kịp thời phát hiện, cổ vũ, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

+ Ủy ban Kiểm tra Thành ủy đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; tăng cường giám sát việc thực hiện trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu; kịp thời kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

+ Ban Nội chính Thành ủy theo dõi, tổng hợp tình hình; tham mưu, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, xử lý sai phạm trong quá trình triển khai các chương trình, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Đảng ủy HĐND Thành phố

- Lãnh đạo HĐND Thành phố và HĐND các cấp triển khai chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan dân cử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND trên môi trường số.

- Lãnh đạo đổi mới phương thức giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này theo hướng dựa trên dữ liệu và kết quả thực hiện; khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin của Thành phố; tăng cường giám sát trực tuyến; tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách cần thiết theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong triển khai Kế hoạch.

4. Đảng ủy UBND Thành phố

- Lãnh đạo UBND Thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng chức năng, thẩm quyền của chính quyền; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch thành chương trình, đề án và kế hoạch công tác năm 2026, bảo đảm phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm giải trình, rõ sản phẩm đầu ra và rõ thẩm quyền.

- Lãnh đạo thống nhất danh mục các bài toán quản trị, hệ thống chỉ tiêu đánh giá (KPI), kiến trúc dữ liệu và các nền tảng số dùng chung của Thành phố trong phạm vi tổ chức thực hiện của UBND Thành phố.

- Lãnh đạo UBND Thành phố theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch đối với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường trên cơ sở dữ liệu và kết quả đầu ra; chủ động xử lý các khó khăn, vướng mắc liên ngành theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc tác động đến định hướng, mục tiêu lớn của Kế hoạch.

5. Đảng ủy MTTQ Việt Nam Thành phố

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai sâu rộng phong trào "Chuyển đổi số cộng đồng", lấy đoàn viên, hội viên làm nòng cốt với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người".

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai các ứng dụng số phục vụ cơ sở, gồm: phần mềm Tổ dân phố số hướng tới triển khai đồng bộ tại 126 xã, phường; ứng dụng giám sát và phản biện xã hội nhằm theo dõi việc tiếp thu, giải quyết của chính quyền, tăng cường giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án trọng điểm, công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, tái định cư,...

- Triển khai các nền tảng số đặc thù: Chỉ đạo Đoàn Thanh niên vận hành hiệu quả "Mạng lưới tình nguyện số"; Hội Phụ nữ triển khai ứng dụng quản lý hội viên; Liên đoàn Lao động triển khai "Công đoàn số",...

- Thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội trên môi trường số: Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân qua các kênh trực tuyến (iHanoi, mạng xã hội) để phản ánh với cấp ủy, chính quyền; giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính và thái độ phục vụ của cán bộ công chức qua dữ liệu hệ thống.

6. Các cấp ủy và Đảng ủy trực thuộc

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai năm 2026, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra, tiến độ và nguồn lực thực hiện; bảo đảm nguyên tắc "*một việc - một đầu mối - một sản phẩm - một thời hạn*".

- Bí thư cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trước cấp có thẩm quyền về kết quả thực hiện; lãnh đạo việc phân công nhiệm vụ theo phương châm "*rõ người - rõ việc - rõ trách nhiệm giải trình*".

- Lãnh đạo tổ chức thực hiện đầy đủ 04 nội dung cốt lõi:

- (1) Đề xuất bài toán quản trị, điều hành;
- (2) Chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu đầu vào;
- (3) Phối hợp triển khai thí điểm có đối chứng;
- (4) Báo cáo kết quả thực hiện theo chu kỳ trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đánh giá.

- Căn cứ Danh mục bài toán ưu tiên của Thành phố đã được phê duyệt, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai các bài toán thuộc phạm vi quản lý địa bàn; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng. Việc triển khai bài toán là nội dung bắt buộc trong kế hoạch công tác năm, làm căn cứ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu ngành; điều tra, khảo sát thực trạng, nhu cầu theo hướng dẫn của cơ quan, tổ chức chuyên môn, cơ quan thống kê; trên cơ sở dữ liệu điều tra, thống kê, chịu trách nhiệm xác định và đề xuất các bài toán nâng cao hiệu suất theo ngành, lĩnh vực.

- Kịp thời phản ánh các điểm nghẽn liên ngành; trường hợp phát sinh vướng mắc trong phối hợp mà chưa thống nhất được phương án xử lý, các đơn vị báo cáo cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc để tổng hợp, điều phối xử lý thống nhất.

7. Tổ Thường trực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy

- Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai Kế hoạch tại các cấp, các ngành; tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện trên cơ sở dữ liệu và báo cáo của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo; chủ động rà soát, tổng hợp các nội dung chuyên môn phục vụ công tác tham mưu, bảo đảm chất lượng trước khi báo cáo, trình Ban Chỉ đạo xem xét.

8. Tổ Tư vấn, chuyên gia của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy

- Tham gia tư vấn, phản biện, đề xuất với Ban Chỉ đạo các định hướng chiến lược, mô hình, cơ chế, chính sách đột phá trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ động tham vấn đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp; nhận diện sớm các xu hướng, rủi ro, điểm nghẽn từ thực tiễn để kiến nghị Ban Chỉ đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

9. Văn phòng Thành ủy, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy

- Tham mưu, giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối chung việc tổ chức triển khai Kế hoạch; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thông suốt giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị.

- Rà soát, tham mưu kiện toàn tổ chức, nhân sự Ban Chỉ đạo, Tổ Thường trực và Tổ tư vấn, chuyên gia theo yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ; bảo đảm bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, định hướng xử lý các vấn đề phát sinh; tham mưu công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

10. Cơ chế thông tin, báo cáo

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng (trước ngày 25 hằng tháng) về kết quả triển khai Kế hoạch; gửi cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo và Ban Thường vụ Thành ủy theo quy định.

- Nội dung báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ điều hành; bảo đảm khách quan, minh bạch, có khả năng kiểm chứng; kiên quyết hạn chế báo cáo thủ công, hình thức, không

phản ánh đúng thực chất. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thường xuyên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo bộ chỉ số KPI và các mốc công việc phù hợp với từng giai đoạn triển khai.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xác định, cập nhật và hoàn thiện bộ chỉ số KPI, các mốc công việc theo từng giai đoạn; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo theo mẫu quy định, làm căn cứ theo dõi, đánh giá và điều hành.

11. Kinh phí thực hiện và huy động nguồn lực

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính đột phá, lan tỏa trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc xác định nhiệm vụ, đo lường kết quả và điều kiện bố trí nguồn lực quy định tại Kế hoạch này, gắn với kết quả đầu ra cụ thể.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Khuyến khích triển khai các mô hình hợp tác phù hợp (PPP và các hình thức hợp pháp khác) trong đầu tư, phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch và bền vững.

12. Nguyên tắc xác định nhiệm vụ, bố trí nguồn lực và kiểm soát kết quả

- Kế hoạch hành động năm 2026 của Ban Chỉ đạo tập trung lựa chọn các nhiệm vụ đột phá mang tính dẫn dắt, xác lập khung định hướng triển khai thống nhất. Phụ lục kèm theo Kế hoạch chỉ xác định các “đầu bài quản trị, điều hành” trọng tâm, làm căn cứ để các khối trong hệ thống chính trị chủ động cụ thể hóa thành nhiệm vụ, đề án, dự án theo thẩm quyền; không phải danh mục nhiệm vụ triển khai chi tiết và không làm thay trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

- Căn cứ các đầu bài quản trị, điều hành ban hành kèm theo Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chủ trì chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Thành ủy xây dựng phương án giải quyết bài toán (làm rõ giải pháp, mô hình vận hành, dữ liệu, chỉ tiêu kết quả và dự toán kinh phí), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định làm căn cứ bố trí nguồn lực theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đề xuất nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và chứng minh sự phù hợp của nhiệm vụ với phương pháp điều hành, nguyên tắc đo lường kết quả và các đầu bài quản trị, điều hành của Kế hoạch; việc xem xét, phê duyệt và bố trí nguồn lực chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên, không xem xét phê duyệt, không bố trí kinh phí đối với các nhiệm vụ, dự án mua sắm thiết bị, phần mềm không đáp ứng yêu cầu.

Các Phụ lục gửi kèm theo:

- 1. Các “đầu bài quản trị, điều hành” trọng tâm năm 2026.*
- 2. Danh mục phân khúc doanh nghiệp năng lực quản trị ưu tiên 2026.*
- 3. Các biểu mẫu thu thập dữ liệu, bài toán.*

4. *Chuỗi 04 bước triển khai từ đăng ký bài toán đến hình thành danh mục giải pháp có cam kết cụ thể.*

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026.

Kế hoạch này là căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị Thành phố thống nhất hành động, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần tạo đột phá thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thủ đô.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo 57 Trung ương (*để báo cáo*),
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng TP,
- Đảng ủy HĐND TP,
- Đảng ủy UBND TP,
- Đảng ủy MTTQ TP,
- Các ban Đảng, VPTU,
- Đảng ủy các Sở, ban, ngành TP,
- Đảng ủy các xã, phường,
- Các đ/c thành viên BCĐ 57 TU,
- Lưu VPTU.

BÍ THƯ
kiêm
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Nguyễn Duy Ngọc



Phụ lục I

Các “đầu bài quản trị, điều hành” trọng tâm năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 20 -KH/BCĐ57 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy)

I.A. NHÓM A. NHIỆM VỤ CỐT LÕI - NỀN TẢNG BẮT BUỘC

Stt	Đầu bài quản trị, điều hành	Định hướng điều hành	Yêu cầu kết quả đầu ra (KPI)	Đầu mối tiếp nhận và đặt hàng	Định hướng ứng dụng KHCN - DMST - CDS	Viện - trường/đối tác tri thức	Cơ quan phối hợp then chốt
1.	Nâng cao năng lực ra quyết định dựa trên dữ liệu	Điều hành dựa trên dữ liệu tích hợp, thời gian thực	<ul style="list-style-type: none"> - 100% chỉ tiêu KT-XH chủ yếu theo dõi tự động trên Dashboard dùng chung. - Chấm dứt báo cáo giấy định kỳ đối với dữ liệu đã số hóa. 	Sở Khoa học và Công nghệ	Giao Đảng ủy UBND Thành phố tiếp tục cụ thể hóa		
2.	Quy hoạch, chuẩn hóa hạ tầng số Thành phố	Điều hành thống nhất, tránh đầu tư phân tán	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hệ thống CNTT đầu tư mới sử dụng Cloud dùng chung của Thành phố. - Giảm $\geq 20\%$ chi phí vận hành so với mô hình phân tán. 	Sở Khoa học và Công nghệ			
3.	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian khắc phục sự cố nghiêm trọng < 04 giờ. - Diễn tập ATTT thực chiến ≥ 02 lần/năm. 	Công an Thành phố			

4.	Thực hiện kỹ luật “AI First” trong quy trình công vụ	“AI là công cụ bắt buộc, không phải lựa chọn”	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 25% khối lượng công việc hành chính (soạn thảo, báo cáo, tổng hợp) có sự hỗ trợ của AI. - 100% văn bản hành chính thông thường được kiểm tra thể thức, lỗi kỹ thuật bằng công cụ tự động. - Giám tối thiểu 20% thời gian xử lý trung bình đối với công việc hành chính nội bộ. 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	
5.	Cải thiện trải nghiệm dịch vụ công	Lấy người dân, DN làm trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hồ sơ toàn trình thực tế >80%. - Giám >20% chi phí tuân thủ TTHC. - 100% dự án ETC cập nhật tiến độ thực trên hệ thống. - Cảnh báo sớm điểm nghẽn (vốn, GPMB) trước ≥ 01 tháng. 	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công Thành phố</p>	
6.	Minh bạch, kiểm soát tiến độ đầu tư công	Giám sát số, tăng trách nhiệm giải trình	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hệ thống thông tin, phần mềm đang vận hành được kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng. 	<p>Sở Tài chính</p>	
7.	Rà soát, xử lý và tối ưu hóa tài sản số, hệ thống thông tin	“Chống lãng phí, quy hoạch lại tài sản công”	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hệ thống thông tin, phần mềm đang vận hành được kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng. 	<p>Sở Khoa học và Công nghệ</p>	

8.	Kiến toán tổ chức bộ máy quản lý khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	“Tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”	<p>thống trùng lập, chồng chéo, kém hiệu quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm 15-20% kinh phí duy trì, vận hành thường xuyên. - Hoàn thành sắp xếp, kiện toàn và thành lập Trung tâm Phát triển ứng dụng và Dữ liệu số (trên cơ sở sáp nhập các đơn vị hiện có) trong Quý I/2026. - Giảm đầu mối trung gian; không tăng biên chế. 	Sở Khoa học và Công nghệ Sở Nội vụ	
----	---	--------------------------------	---	---------------------------------------	--

I.B. NHÓM B. NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ - TĂNG TRƯỞNG VÀ MÔ HÌNH MỚI

Stt	Đầu bài quản trị, điều hành	Định hướng điều hành	Yêu cầu kết quả đầu ra (KPI)	Đầu mối tiếp nhận và đặt hàng	Định hướng ứng dụng KHCN - ĐMST - CDS	Viện - trường/đối tác tri thức	Cơ quan phối hợp then chốt
1.	Quản lý, thúc đẩy mô hình kinh tế mới (kinh tế đêm, drone, chia sẻ)	Sandbox có kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Khung Sandbox. - Thí điểm thành công 01-02 mô hình tại khu vực cho phép. 	Sở Khoa học và Công nghệ	Giao Đảng ủy UBND Thành phố tiếp tục cụ thể hóa		
2.	Nâng cao hiệu quả dẫn dắt của đầu tư công (vốn môi)	Đánh giá theo đôn bẫy	<ul style="list-style-type: none"> - 01 đồng vốn môi kích hoạt ≥ 03 đồng vốn xã hội. - Đặt hàng theo đầu ra cho 03-05 nhiệm vụ KHCN. 	Sở Tài chính			

3.	Kết nối nhu cầu quản lý với giải pháp công nghệ	Đặt hàng - mua sắm theo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành “Chợ công nghệ số” Thành phố. - Mua sắm thành công ≥ 10 giải pháp qua Chợ. 	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.	Đổi mới sáng tạo gắn thực tiễn	Gắn nghiên cứu với bài toán Thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - $\geq 30\%$ nhiệm vụ KH-CN từ đơn đặt hàng doanh nghiệp. - Có sản phẩm/giải pháp thương mại hóa. 	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.	Phát triển y tế số, kinh tế chăm sóc người cao tuổi	Quản lý y tế dựa trên dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - $> 90\%$ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử “sống”. - Thí điểm chăm sóc người cao tuổi thông minh. 	Sở Y tế Sở Khoa học và Công nghệ	
6.	Tối ưu chi phí XNK & logistics	Liên thông dữ liệu liên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm 10-15% thời gian thông quan. - Liên thông dữ liệu thời gian thực giữa các cơ quan liên quan. 	Sở Công Thương	
7.	Thu hút, giữ chân nhân lực số (nhà ở)	Nhà ở là hạ tầng thiết yếu	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch/khởi công ≥ 01 khu nhà ở cho nhân lực công nghệ cao. 	Sở Xây dựng	
8.	Đổi mới quản trị đô thị tại cơ sở	Phân quyền gắn trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi xã/phường có ≥ 01 mô hình đô thị thông minh thí điểm hiệu quả. - Nâng năng lực phân ứng nhanh của phường, xã. 	UBND phường, xã	
9.	Phổ cập năng lực số và an toàn số	Nâng kỹ năng số toàn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CBCC đạt chuẩn kỹ năng số. 	Sở Khoa học và Công nghệ	

				- ≥70% người dân trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.		
10.	Quản trị và quy hoạch đô thị dựa trên mô phỏng (Digital Twin)	“Thử nghiệm ảo trước khi quyết định thật”		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành mô hình Bản sao số (Digital Twin) cho tối thiểu 05 phường trung tâm. - Áp dụng mô phỏng cho ít nhất 02 kịch bản trọng điểm: phân luồng giao thông và thoát nước đô thị. - Kết quả mô phỏng là căn cứ bắt buộc trong hồ sơ trình duyệt các dự án, phương án liên quan đến quy hoạch, hạ tầng đô thị. 	Sở Khoa học và Công nghệ	

I.C. NHÓM C. NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC - NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ CÔNG NGHỆ LỖI

Stt	Đầu bài quản trị, điều hành	Định hướng điều hành	Yêu cầu kết quả đầu ra (KPI)	Đầu mối tiếp nhận và đặt hàng	Định hướng ứng dụng KHHCN – ĐMST – CDS	Viện – trường/đối tác tri thức	Cơ quan phối hợp then chốt
1.	Nâng cao chất lượng nghiên cứu cơ bản	Đầu tư tập trung, đánh giá theo chuẩn mực quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi cho nghiên cứu cơ bản đạt ≥ 30% tổng chi KHHCN của Thành phố. - Số công bố quốc tế (ISI/Scopus) tăng ≥ 20% so với năm 2025. 	Sở Khoa học và Công nghệ	<i>Giao Đảng ủy UBND Thành phố tiếp tục cụ thể hóa</i>		
2.	Nghiên cứu tiên khả thi ứng dụng	Đi trước đón đầu, tiếp cận công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành báo cáo đánh giá tiềm năng, 	Sở Khoa học và Công nghệ			

	công nghệ lò phản ứng hạt nhân mô-đun nhỏ (SMR)	năng lượng thế hệ mới	an toàn và khả năng ứng dụng SMR trên địa bàn Thành phố. - Hình thành 01 nhóm chuyên gia nòng cốt (5-7 người).		
3.	Nghiên cứu, ứng dụng y học chính xác trong điều trị	Cả thể hóa điều trị trên cơ sở dữ liệu gen và dữ liệu y sinh	- Xây dựng bước đầu cơ sở dữ liệu gen tham chiếu cho người Việt. - Thí điểm phác đồ điều trị đích đôi với 02-03 nhóm bệnh phổ biến.	Sở Y tế	
4.	Nghiên cứu phát triển vật liệu mới phục vụ công nghiệp bán dẫn	Từng bước làm chủ công nghệ vật liệu nền	- Chế tạo thử nghiệm thành công tối thiểu 01 loại vật liệu/cảm biến bán dẫn. - Có ít nhất 01 doanh nghiệp cam kết tiếp nhận, chuyển giao công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.	Thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao KHHCN (Chương trình “Next 1.000”)	Cơ chế đặc thù, tuyển chọn và đãi ngộ theo chuẩn mực cạnh tranh quốc tế	- Tuyển chọn ≥ 200 nhân tài xuất sắc đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. - 100% nhân lực sau đào tạo được bố trí, sử dụng đúng chuyên môn.	Sở Khoa học và Công nghệ	

Phụ lục II

Danh mục phân khúc DN & năng lực quản trị ưu tiên 2026

Số, ban, ngành, tiếp tục hoàn thiện lựa chọn tối thiểu 01 phân khúc doanh nghiệp và 01-02 năng lực quản trị cốt lõi để tổ chức triển khai trong năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 2.Q...-KH/BCĐ57 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy)

STT	Phân khúc DN mục tiêu	Đặc điểm	Điểm nghẽn (khả thi để can thiệp)	Năng lực quản trị/kinh doanh phải đạt	Gói hỗ trợ KHCN-ĐMST-CDS (gợi ý) Chỉ số theo dõi	Chỉ tiêu theo dõi	Đầu mối tổ chức thực hiện	Phối hợp thống kê/điều tra & đề xuất giải pháp
1	Siêu nhỏ/ vừa và nhỏ truyền thống	DN <10 lao động chiếm 78,1%; vốn <10 tỷ chiếm 68,1%	Số sách thủ công; dòng tiền yếu; bán hàng rời rạc; không quản lý tồn kho; tuân thủ thuế/hoá đơn dễ sai	(1) Quản trị tài chính-kế toán tối thiểu (hoá đơn-chi phí-lãi/lỗ) (2) Quản trị bán hàng & tồn kho cơ bản (đơn hàng-tồn-giá vốn)	Kế toán/hoá đơn điện tử + kết nối ngân hàng; POS-tồn kho; eKYC/ chữ ký số; mẫu báo cáo dòng tiền; gói đào tạo	Số DN áp dụng; tỷ lệ DN dùng hoá đơn điện tử đúng chuẩn; tỷ lệ DN có báo cáo doanh thu-chi phí tháng	Sở Tài chính	Thống kê HN; Thuế HN; Hiệp hội DN nhỏ và vừa; các tổ chức tư vấn triển khai
2	Vừa và nhỏ thương mại-bán lẻ-sửa chữa (phân khúc doanh thu lớn nhất)	Hà Nội có thu theo ngành: Bán buôn-bán lẻ là nhóm rất lớn (2023: 3.073.512 tỷ đồng)	Đơn hàng đa kênh; thất thoát; tồn kho cao; CSKH yếu; không đo hiệu quả khuyến mãi	(1) Vận hành đa kênh chuẩn hoá (đơn-kho-giao-đổi trả) (2) CRM/giữ chân khách hàng	Tiếp thị đa kênh, đồng bộ tồn kho; Quản lý khách hàng; quản trị khuyến mãi theo dữ liệu; tối ưu định giá/thị trường	Tỷ lệ đơn hàng qua hệ thống; vòng quay tồn kho (đo đơn gián theo tháng); tỷ lệ khách quay lại	Sở Công Thương	Thống kê HN; Hiệp hội bán lẻ; các DN nền tảng TMĐT; viện-trường khối kinh tế

3	Vừa và nhỏ dịch vụ (ăn uống, du lịch, lưu trú, dịch vụ cá nhân)	Doanh thu ngành lưu trú & ăn uống (2023: 55.095 tỷ đồng)	Booking/đặt chỗ phân tán; vận hành ca kíp thủ công; chi phí nguyên liệu thất thoát	(1) Chuẩn hoá vận hành dịch vụ (đặt chỗ-ca kíp-định mức) (2) Quản trị trải nghiệm khách hàng	Đặt chỗ qua POS/QR; quản trị định mức & thất thoát; chatbot/CSKH; phân tích review & NPS; tự động hoá lịch ca	Tỷ lệ đặt chỗ/đơn qua hệ thống; thất thoát nguyên liệu; điểm đánh giá trung bình	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao	Thông kê HN; Hiệp hội du lịch, lưu trú; các DN nền tảng dịch vụ
4	Vừa và nhỏ sản xuất-chế biến	Doanh thu thuần chế biến, chế tạo (2023: 799.104 tỷ đồng)	Lệnh sản xuất rời rạc; lỗi chất lượng; bảo trì bị động; năng suất thấp	(1) Quản trị sản xuất theo dữ liệu tối thiểu (lệnh-tiến độ-phế phẩm) (2) Bảo trì/hiệu suất thiết bị	Phần mềm quản lý hoạt động sản xuất/hoạch định nguồn lực kinh doanh; IoT giám sát máy móc; Quản lý chất lượng số; bảo trì dự báo mức cơ bản	% dây chuyền có theo dõi số; tỷ lệ lỗi/phế phẩm; thời gian dừng máy	Sở Công Thương	Thông kê HN; Ban QL KCN; viện-trường kỹ thuật, cơ khí, tự động hoá
5	Logistics-vận tải-kho bãi	Doanh thu thuần vận tải, kho bãi (2023: 218.589 tỷ đồng)	Tối ưu tuyến theo yếu; thiếu thời gian thực; chi phí chuyển; chi phí nhiên liệu cao	(1) Điều độ/tối ưu tuyến (2) Theo dõi & minh bạch vận hành	Quản lý vận tải; tối ưu tuyến; Bảng chứng giao hàng điện tử; GPS/IoT; cảnh báo nhiên liệu; tích hợp đơn-kho-giao	Tỷ lệ chuyển có theo dõi thời gian thực; giám quang đường xe rỗng; đúng giờ giao	Sở Xây dựng; Sở Công Thương	Thông kê HN; Hải quan; Hiệp hội logistics
6	Doanh nghiệp xây dựng & chuỗi đầu phụ	Doanh thu thuần xây dựng (2023: 478.020 tỷ đồng)	Quản trị tiến độ-khối lượng thủ công; hồ sơ chất lượng phân tán; an toàn lao động	(1) Quản trị tiến độ-khối lượng chuẩn (2) Quản trị chất lượng & ATLD số hoá	BIM; nhật ký số; nghiệm thu điện tử; quản lý vật tư theo QR; giám sát an toàn bằng	Tỷ lệ dự án đúng nhật ký số; giám chăm tiến độ; số hoá hồ sơ nghiệm thu	Sở Xây dựng	Thông kê HN; Ban QLDA; viện-trường xây dựng

	Doanh nghiệp “đầu tàu” ngoài Nhà nước (kéo chuỗi cung ứng)	Khu vực ngoài Nhà nước tạo doanh thu lớn (2023: 4.414.244 tỷ đồng)	Chuỗi cung ứng phân mảnh; tiêu chuẩn dữ liệu không đồng nhất; khó kéo SME vệ tinh	(1) Năng lực “kéo chuỗi” bằng tiêu chuẩn (2) Chia sẻ dữ liệu/đặt chuẩn	camera/AI (mức tối thiểu) Chuẩn dữ liệu đơn-kho-giao; Quản lý quan hệ khách hàng; mua sắm điện tử tối ưu hóa chuỗi cung ứng; chương trình “SME vệ tinh lên chuẩn” đồng tài trợ	Số SME vệ tinh lên chuẩn; tỷ lệ giao dịch số trong chuỗi	Sở Tài chính	Thông kê HN; Hiệp hội DN; các tập đoàn đầu chuỗi
7	FDI/DN xuất khẩu/công nghệ	FDI doanh thu 2023: 743.019 tỷ đồng	Tuân thủ tiêu chuẩn; truy xuất nguồn gốc; an ninh chuỗi; yêu cầu dữ liệu cao	(1) Tuân thủ & truy xuất theo chuẩn quốc tế (2) An toàn thông tin/độ tin cậy dữ liệu	Quản lý truy xuất nguồn gốc; Quản lý chất lượng; bảo mật; chuẩn ESG dữ liệu; hỗ trợ R&D/đổi mới quy trình	Số DN đạt chứng chỉ/chuẩn; tỷ lệ hàng truy xuất số	Sở Tài chính	Thông kê HN; Hải quan; Ban QL KCN
8	Hộ kinh doanh/cá thể phi nông nghiệp (đối tượng rất lớn)	Niên giám có hệ thống chỉ tiêu về cơ sở cá thể ngành/xã phường	Không tách bạch tài chính; ít công cụ bán hàng; tuân thủ đơn giản	(1) Bán hàng-thu chi tối thiểu (2) Hiện diện số cơ bản	POS/QR; số thu chi số; hóa đơn; gian hàng số; marketing số tối thiểu	Số hộ lên POS/QR; % có ghi nhận doanh thu số	UBND xã, phường	Thông kê HN; Cục Thuế TP; tổ chức đoàn thể
9								

Phụ lục III
Các biểu mẫu thu thập dữ liệu
(Kèm theo Kế hoạch số 20...-KH/BCĐ57 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy)

MẪU 01

ĐỀ XUẤT BÀI TOÁN QUẢN TRỊ XÃ/PHƯỜNG

(01–02 trang, không quá 1.000 từ)

1. Thông tin chung

- Tên xã/phường:
- Lĩnh vực quản lý liên quan (chọn 1–2):
 Quản lý đô thị Y tế Giáo dục Môi trường Dữ liệu hành chính Khác:
- Đầu mối liên hệ (họ tên – chức danh – điện thoại):
- 2. Mô tả vấn đề thực tiễn
 (Trình bày ngắn gọn, rõ ràng)
 - Vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý/vận hành là gì?
 - Vấn đề xuất hiện trong bối cảnh nào (thời gian, địa bàn, đối tượng)?
- 3. Cách thức đang xử lý hiện nay
 - Hiện nay xã/phường đang xử lý vấn đề này như thế nào?
 - Những khó khăn, hạn chế chính của cách làm hiện nay?
- 4. Nhu cầu quản lý đặt ra
 - Xã/phường cần hỗ trợ điều gì để quản lý hiệu quả hơn?
 - Mong muốn có công cụ, mô hình, cách tiếp cận mới ở mức nào?

5. Phạm vi và khả năng thử nghiệm
- Vấn đề có thể thử nghiệm giải pháp tại xã/phường hay không?
 - Phạm vi thử nghiệm dự kiến (tổ dân phố, nhóm đối tượng, thời gian)?
 - Dữ liệu hiện có để đo (nếu có): nguồn, tần suất cập nhật, chỉ số trọng yếu hiện tại

Lưu ý:

- Không đề xuất giải pháp công nghệ cụ thể.
- Không yêu cầu dự toán kinh phí.
- Chỉ tập trung vào vấn đề và nhu cầu quản lý.

MẪU 02

MẪU ĐỀ XUẤT THAM GIA GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN

(Áp dụng cho trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp)

1. Thông tin đơn vị
 - Tên đơn vị:
 - Loại hình: Trường/Viện Doanh nghiệp
 - Đầu mối liên hệ:
2. Bài toán Thành phố quan tâm
 - Tên bài toán/bài toán ưu tiên:
 - Nguồn bài toán (xã/phường/lĩnh vực):
3. Năng lực, giải pháp đề xuất
 - Mô tả ngắn gọn năng lực, công nghệ, mô hình hiện có;
 - Kinh nghiệm triển khai tương tự (nếu có).
4. Đề xuất cách tiếp cận

- Cách đơn vị có thể tham gia giải quyết bài toán;
 - Mức độ sẵn sàng thử nghiệm (thời gian, phạm vi).
 - Cam kết đầu ra thử nghiệm (KPI/dữ liệu có thể cung cấp)
5. Điều kiện tham gia
- Nhu cầu phối hợp với xã/phường, sở/ngành;
 - Các điều kiện kỹ thuật cần thiết (nếu có).
 - Cam kết chấp nhận đánh giá – so sánh – loại bỏ theo kết quả POC

MẪU DANH MỤC BÀI TOÁN ƯU TIÊN CỦA THÀNH PHỐ

(Phục vụ triển khai sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mô hình chính quyền đô thị 2 cấp)

I. MỤC ĐÍCH CỦA DANH MỤC

Danh mục bài toán ưu tiên của Thành phố được xây dựng nhằm:

- Tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề thực tiễn phát sinh từ xã/phường và yêu cầu quản lý của Thành phố;
- Làm căn cứ đề kết nối trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp tham gia đề xuất giải pháp;
- Định hướng thử nghiệm có kiểm soát, chuẩn hóa và nhân rộng các giải pháp hiệu quả;
- Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và xây dựng chính sách của Lãnh đạo Thành phố.

II. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DANH MỤC

- Xuất phát từ đề xuất bài toán thực tiễn của xã/phường và yêu cầu quản lý của Thành phố;
- Mỗi bài toán phải: Có phạm vi quản lý rõ ràng; Có khả năng thử nghiệm trong điều kiện thực tế; Có tiềm năng tạo tác động lan tỏa;
- Danh mục được rà soát, cập nhật định kỳ, không có định cứng.

III. THUYẾT MINH TỜ TẬT TỪNG BÀI TOÁN

(áp dụng cho các bài toán ưu tiên cao)

Mỗi bài toán ưu tiên cao được thuyết minh ngắn gọn theo cấu trúc sau (không quá 01 trang/bài toán):

1. Tên bài toán:

.....

2. Lĩnh vực quản lý liên quan:

.....

3. Mô tả vấn đề thực tiễn:

- Vấn đề phát sinh trong quản lý/vận hành là gì?
- Ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ ra sao?

4. Mục tiêu quản lý hướng tới: Thành phố mong muốn cải thiện điều gì thông qua bài toán này?

5. Phạm vi và điều kiện thử nghiệm:

- Có thể thử nghiệm tại xã/phường nào?
- Thời gian, quy mô thử nghiệm dự kiến?

6. Định hướng kết nối chủ thể:

- Loại hình trường/viện cần tham gia (dữ liệu, AI, quản lý...);
- Doanh nghiệp có khả năng cung cấp giải pháp phù hợp.



Phụ lục IV

Chuỗi 04 bước triển khai từ đăng ký bài toán đến hình thành danh mục giải pháp có cam kết cụ thể

(Kèm theo Kế hoạch số 2.0...-KH/BCD57 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy)

Bước 1 – Phân loại địa bàn & phát mẫu bài toán: Sở KH&CN phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội và các cơ quan chuyên môn phân loại xã/phường theo nhóm địa bàn (đô thị lõi – ven đô – nông thôn...) và **khung bài toán quản trị tương ứng**; gửi mẫu đề xuất bài toán cho xã/phường theo tiêu chí thống nhất.

Bước 2 – Tổng hợp & chuẩn hóa thành Danh mục bài toán Thành phố: Trên cơ sở đăng ký của xã/phường và các bài toán cấp Thành phố đã có, cơ quan thường trực chuẩn hóa – sắp xếp – hợp nhất thành Danh mục bài toán Thành phố (loại bỏ trùng lặp, chuẩn hóa dữ liệu tối thiểu, xác định KPI mục tiêu và phạm vi triển khai).

Bước 3 – Thẩm định khả thi, chuẩn hóa KPI và phân bổ nguồn lực theo chiến lược: Trên cơ sở danh mục bài toán đã được tổng hợp, Viện-trường, các sở ngành theo lĩnh vực và cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện thẩm định khả thi và chuẩn hóa bài toán:

+ Chuẩn hóa mục tiêu và KPI đầu ra: Làm rõ kết quả Thành phố cần đạt được đối với từng bài toán (giảm bao nhiêu %, rút ngắn bao lâu, tăng độ chính xác đến mức nào), bảo đảm KPI đo được bằng dữ liệu trước-sau và có khả năng giám sát theo quy.

+ Xác định quy mô triển khai và phạm vi tác động: Phân loại bài toán theo quy mô (thứ nghiệm nhỏ – thí điểm mở rộng – triển khai diện rộng), gắn với nhóm địa bàn (đô thị lõi, ven đô, nông thôn) và mức độ sẵn sàng dữ liệu.

+ Chuẩn hóa yêu cầu dữ liệu, tiêu chuẩn đầu ra và điều kiện thử nghiệm Xác định rõ dữ liệu đầu vào Thành phố cung cấp, tiêu chuẩn kỹ thuật/đầu ra cần đạt, điều kiện sandbox hoặc thử nghiệm thực địa, làm căn cứ pháp lý và kỹ thuật cho việc triển khai.

+ Phân bổ nguồn lực của Thành phố theo danh mục bài toán và mức độ ưu tiên Trên cơ sở quy mô và mức độ tác động của từng bài toán, Thành phố chủ động xác định và công bố mức nguồn lực dự kiến đầu tư trên cơ sở tổng dự toán chi KH&CN 2026 (ngân sách đặt hàng, vốn mới, phạm vi thanh toán theo kết quả, cơ cấu chi: giải pháp, nghiên cứu giải pháp), qua đó: Thể hiện rõ ưu tiên chiến lược trong năm 2026; Gửi tín hiệu minh bạch tới thị trường về bài toán nào Thành phố tập trung giải quyết; **Làm rõ ngay từ đầu: Thành phố đầu tư bao nhiêu – để đạt được kết quả gì (về năng suất, chi phí, chất lượng quản trị, dữ liệu nền).**

Bước 4 – Công bố bài toán và mời ứng tuyển giải pháp/đề xuất nghiên cứu đảm bảo đủ căn cứ để lựa chọn, Ký hợp đồng và phân bổ nguồn lực

- Doanh nghiệp ứng tuyển giải pháp ngắn hạn (cam kết KPI-thời gian-chi phí; đề xuất mô hình thanh toán theo kết quả.